

Suối Nước Sống

Bộ 5 • Số 2 • Tháng Sáu 2003

TRONG SỐ NÀY

Lời Tuyên Xưng Đức Tin

~ 2 ~

Lời Chứng Thứ Hai

~ 3 ~

Sự Hiệp Nhất Của Hội-Thánh

Phần 2

~ 17 ~

Suối Nước Sống (Vietnamese Stream) is published quarterly by Living Stream Ministry, 2431 W. La Palma Ave., Anaheim, CA 92801. Tel. (714) 991-4681 (English)
Tel. (714) 226-1747 (Vietnamese)
E-mail: suoinuocsong@lsm.org
Website: <http://www.lsm.org>

Suối Nước Sống là tạp chí Cơ-đốc chuyên đăng tải và giới thiệu các văn phẩm của Watchman Nee (tức Nghệ Thác Thanh) và Witness Lee. Mỗi số báo trích đăng một số bài chọn lọc từ các tác phẩm của hai ông.

Suối Nước Sống phát hành mỗi tam cá nguyệt (tháng 3, tháng 6, tháng 9 và tháng 12). Quý độc giả tại Hoa Kỳ, Ca-na-đa, Âu Châu và Á Châu có thể đăng ký nhận miễn phí.

Suối Nước Sống mong nhận được thư của quý độc giả. Để tiện việc đăng tải, xin ghi tên và địa chỉ người gửi. Thư có thể được tòa soạn rút gọn vì khuôn khổ giới hạn của tờ báo. Thư từ và phiếu ghi tên nhận báo miễn phí xin gửi về:

Living Stream Ministry

(*Suối Nước Sống* –
Vietnamese)

P.O. Box 2121

Anaheim, CA 92814

U.S.A.

©2003 Living Stream Ministry. Nhà xuất bản giữ bản quyền. Không được in ấn hay trích dịch dưới bất cứ hình thức hoặc phương tiện nào như: đồ họa, điện tử, cơ khí, bao gồm phô-tô-cóp-pi, đầu băng, hoặc bộ trữ tin tức, hệ thống tìm tin mà không có giấy phép của nhà xuất bản.

Lời Tuyên Xưng Đức Tin

Thừa nhận Kinh Thánh là khải thị thần thượng đầy đủ và duy nhất, chúng tôi mạnh mẽ tin rằng Đức Chúa Trời đời đời là một và cũng đời đời là Đức Cha, Đức Con và Đức [Thánh] Linh, tức ba thân-vị riêng biệt (distinct) nhưng không tách rời (not separate). Chúng tôi tin rằng Đấng Christ vừa là Đức Chúa Trời trọn vẹn vừa là con người hoàn hảo. Không từ bỏ thần tính của Ngài, Ngài đã được hoài thai trong tử cung của một trinh nữ, đã sống một cuộc sống làm người thật sự trên đất, và đã chết một cái chết thay thế và bao-hàm-tất-cả trên thập tự giá. Sau ba ngày Ngài đã phục sinh trong thân thể và đã thăng thiên lên trời. Bây giờ Ngài đang ở trong vinh hiển, hoàn toàn là Đức Chúa Trời nhưng vẫn hoàn toàn là con người. Chúng tôi trông đợi sự trở lại sắp đến của Ngài cùng với vương quốc của Đức Chúa Trời, bởi đó Ngài sẽ trị vì trên đất trong thời đại một ngàn năm và trong cõi đời đời. Chúng tôi xưng nhận rằng [thân-vị] thứ ba trong Đấng Tam Nhất (the Trinity), tức Đức Linh, đồng đẳng là Đức Chúa Trời. Tất cả những gì Đức Cha có và là, đều được Đức Con bày tỏ ra; và tất cả những gì Đức Con có và là, đều được thực tại hóa là (realized as) Đức Linh. Hơn nữa, chúng tôi tin rằng nhân loại cần sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời. Dầu chúng ta tuyệt đối không thể thỏa đáp những đòi hỏi nghiêm khắc về sự công chính, sự thánh khiết và sự vinh hiển của Đức Chúa Trời, nhưng Đấng Christ đã thỏa đáp tất cả những đòi hỏi ấy qua sự chết của Ngài trên thập tự giá. Bởi sự chết của Đấng Christ, Đức Chúa Trời đã tha thứ tội lỗi cho chúng ta, xưng công chính chúng ta bằng cách làm cho Đấng Christ trở nên sự công chính của chúng ta, và giải hòa chúng ta với Ngài. Đặt nền tảng trên sự cứu chuộc của Đấng Christ, qua Linh của Ngài, Đức Chúa Trời tái sinh những người được cứu chuộc để hoàn thành sự cứu rỗi của Ngài hầu họ có thể trở thành con cái của Ngài. Bây giờ trong khi sở hữu sự sống và bản chất của Đức Chúa Trời, những người tin Ngài vui hưởng sự cứu rỗi hằng ngày của Ngài trong Thân Thể Ngài trong thời đại này, và vui hưởng sự cứu rỗi đời đời trong thời đại sắp đến và suốt cõi đời đời. Trong cõi đời đời chúng ta sẽ cư ngụ với Đức Chúa Trời trong Giê-ru-sa-lem Mới, là sự hoàn thành sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời dành cho những người đã được Ngài tuyển chọn.

— *Living Stream Ministry*

Lời Chứng Thứ Hai

Hôm nay tôi muốn làm chứng về bốn điều: (1) học tập bài học thập tự giá, (2) sự dẫn dắt trong công tác, (3) được chữa lành và kinh nghiệm Đức Chúa Trời là Đấng chữa lành, và (4) bốn khía cạnh của công tác được Chúa giao phó.

HỌC TẬP BÀI HỌC THẬP TỰ GIÁ

Một tín đồ có thể đọc, nghiên cứu hay giảng giải giáo lý về thập tự giá, nhưng đồng thời chưa chắc đã nhận được bài học thập tự giá hay biết con đường thập tự giá. Khi được tôi luyện chung trong công tác với các anh em đồng công của mình, Chúa đã sắp đặt nhiều thập tự giá cho tôi. Nhiều lần tôi cảm thấy bối rối. Tôi không muốn chấp nhận sự xử lý của thập tự giá và thấy khó thuận phục. Tuy nhiên, bên trong tôi biết nếu thập tự giá do Chúa sắp đặt, ấy là điều đúng, dầu vẫn khó vâng lời và chấp nhận. Khi Chúa ở trên đất, Ngài học tập vâng phục bởi thập tự giá mà Ngài đã chịu (Hê 5:8; Phil. 2:8). Làm thế nào tôi là một trường hợp ngoại lệ được? Trong tám hay chín tháng đầu, khi bài học thập tự giá mới được đưa đến, tôi không vâng phục. Tôi biết mình nên đầu hàng không chống cự thập tự giá mà Chúa đã

sắp đặt. Khi tôi quyết định vâng lời, quyết định của tôi chỉ kéo dài được một thời gian ngắn. Tuy nhiên, khi một biến cố nào đó nổi lên, tôi thấy khó vâng lời và đẩy dẩy những tư tưởng nổi loạn. Tình trạng này làm cho tôi rất bất an.

Một khi nhận biết thập tự giá mà Chúa đã sắp đặt cho mình, tôi thấy thật ích lợi. Giữa vòng các đồng công của tôi, năm người là bạn cùng trường từ thời thơ ấu. Người còn lại đến từ một thành phố khác và lớn hơn tôi năm tuổi. Năm người kia luôn luôn đứng về phía anh lớn tuổi ấy mà chống đối tôi. Dầu tôi có làm gì chẳng nữa, họ vẫn giữ thái độ lên án tôi. Họ được khen ngợi do nhiều điều tôi đã làm. Thỉnh thoảng khi họ bác bỏ quan điểm của tôi, tôi lên một ngọn đồi vắng vẻ và khóc trước mặt Đức Chúa Trời. Vào những lúc ấy, tôi viết vài bài thánh ca về việc vác thập tự giá. Lần đầu tiên tôi kinh nghiệm ý nghĩa của “sự tương giao trong sự khổ sở của Ngài” (Phil. 3:10). Khi không thể tương giao với thế gian, tôi có thể vui hưởng sự tương giao thiên thượng. Hai năm đầu sau khi được cứu, tôi không biết thập tự giá là gì. Nhưng vào thời điểm ấy, tôi bắt đầu học bài học này.

Tôi luôn luôn được xếp hạng nhất trong lớp cũng như trong

trường. Tôi cũng muốn đứng đầu trong sự phục vụ Chúa. Vì lý do ấy, khi phải làm người đứng thứ nhì, thì tôi không vâng phục. Nhiều lần tôi nói với Đức Chúa Trời là tôi không chịu đứng nổi; tôi ít được tôn trọng và không có bao nhiêu quyền hành, mọi người đều đứng về phía người đồng công lớn tuổi hơn tôi. Nhưng ngày nay tôi thờ phượng Đức Chúa Trời và cảm tạ Ngài tận đáy lòng về mọi điều đã xảy ra cho mình. Đó là sự huấn luyện tốt nhất. Đức Chúa Trời ao ước tôi học vâng phục, nên Ngài sắp đặt cho tôi gặp nhiều điều khó khăn. Cuối cùng, tôi nói với Ngài là tôi bằng lòng được đặt ở vị trí thứ hai. Khi bằng lòng đầu phục, tôi kinh nghiệm được một niềm vui khác với lúc mình được cứu rỗi; đó không phải niềm vui lớn lao mà là một niềm vui sâu xa. Sau tám chín tháng nữa, nhiều lần tôi bằng lòng bị phá vỡ và không làm điều mình ước ao. Trên con đường thuộc linh của mình, tôi đẩy đẩy niềm vui và sự bình an. Chúa thuận phục bàn tay Đức Chúa Trời, và tôi cũng vui lòng làm như vậy. Chúa hiện hữu trong hình thể của Đức Chúa Trời, nhưng không cho sự bình đẳng với Đức Chúa Trời là một báu vật nên nắm giữ, nhưng đã tự làm cho mình trống không (Phil. 2:6-7). Làm sao tôi dám tự xếp hạng mình trên Chúa? Bài học vâng phục thật khó khăn khi tôi mới bắt đầu học, nhưng thời gian trôi qua, càng ngày tôi càng thấy dễ dàng hơn. Cuối cùng, tôi nói với Đức Chúa Trời rằng tôi muốn lựa chọn thập tự giá, chấp nhận sự phá

vỡ của thập tự giá và bỏ ý kiến của mình sang một bên.

SỰ DẪN DẮT TRONG CÔNG TÁC

Khi công tác của Đức Chúa Trời bắt đầu ở vài nơi tại Trung Quốc vào năm 1921, một số lễ thật chưa được phân biệt rõ ràng. Chẳng hạn, ân điển và luật pháp chưa được định nghĩa rõ ràng; vương quốc thiên thượng và sự sống đời đời, ân điển và phần thưởng, hay sự cứu rỗi và sự đắc thắng cũng không được phân biệt rõ ràng. Sự hiểu biết các lễ thật trong Chúa không sâu xa, cũng không phong phú đúng mức. Tuy nhiên, sự hiểu biết về phúc-âm ân điển tương đối rõ ràng, và bấy giờ được giảng dạy khá rõ ràng khi ông Vương Minh Đạo phục vụ Chúa tại Teh-Chow, chị Pearl Wang và Ruth Lee tại Nam Kinh, một số công tác viên khác và tôi tại Phúc Châu.

Xuất Bản Chứng Cớ Hiện Tại

Đến cuối năm 1922, tôi có gánh nặng xuất bản một tạp chí, vì một số người được cứu tại Phúc Châu, và số người ấy càng ngày càng nhiều. Bấy giờ, anh Leland Wang đến tận vùng Dương Tử thực hiện công tác giảng phúc-âm. Chỉ vợ con anh ở lại nhà. Anh bảo tôi dọn vào nhà anh ở để chăm sóc gia đình anh. Hằng ngày, chị Wang và tôi cầu nguyện cho tạp chí ấy. Bấy giờ, tôi vô cùng túng thiếu về mặt tài chánh. Sau khi cầu nguyện suốt hơn một tháng, trong tay vẫn không có một đồng nào. Vào một buổi sáng, tôi thức dậy

và nói: “Không cần cầu nguyện thêm nữa; cầu nguyện thêm là tỏ ra thiếu đức tin. Điều tôi phải làm là bắt đầu viết. Đức Chúa Trời không cần trao tiền tận tay chúng ta rồi chúng ta mới bắt đầu viết! Vì vậy, tôi không cầu nguyện cho vấn đề này nữa, nhưng sẽ tiến hành chuẩn bị bản thảo”.

Khi mọi sự sẵn sàng và viết xong dòng chữ cuối cùng, tôi nói: “Bây giờ tiền sẽ đến”. Cuối cùng, tôi quì gối xuống và cầu nguyện: “Lạy Đức Chúa Trời, bản thảo đã được chuẩn bị để in, nhưng vẫn chưa có tiền”. Sau khi cầu nguyện như vậy, tôi cảm thấy tin tưởng cách kỳ diệu vì Đức Chúa Trời chắc chắn sẽ tiếp trợ tiền bạc. Chúng tôi bắt đầu ngợi khen Đức Chúa Trời.

Điều lạ lùng là chúng tôi chưa kịp đứng lên thì có tiếng gõ cửa. Tôi tưởng có người đem tiền đến. Vì là nhà của chị Wang, nên tôi để chị ấy ra mở cửa. Tôi ngạc nhiên khi thấy người đến là một chị em giàu có nhưng keo kiệt. Tôi nghĩ rằng: “Ồ, nếu là chị này thì không thể nào có tiền được”. Nhưng chị ấy nói với tôi: “Tôi có một điều rất quan trọng cần hỏi ý kiến anh”. Tôi đáp lời: “Xin cho tôi biết”. Khi ấy, chị hỏi: “Một Cơ-đốc-nhân nên dâng hiến như thế nào?” Tôi đáp rằng: “Chúng ta không nên theo phương cách Cựu Ước là dâng một phần mười, mà phải theo lời [Chúa] trong 2 Cô-rin-tô 9:7; câu ấy chép rằng mỗi người cần phải dâng hiến theo mạng

lệnh của Đức Chúa Trời. Một người có thể dâng hiến phân nửa, một phần ba, một phần mười, hoặc một phần hai mươi thu nhập của người ấy”. Rồi chị hỏi: “Người ta nên dâng hiến cho nơi nào?” Tôi đáp: “Đừng dâng hiến cho giáo hội nào chống đối Chúa, cũng đừng dâng hiến cho những người không tin Kinh Thánh hay sự cứu chuộc do huyết Chúa đổ ra. Nếu không ai dâng hiến cho họ, thì họ không thể tiến hành việc giảng dạy của mình. Mỗi lần dâng hiến, hãy cầu nguyện; sau đó, dâng hiến cho người nghèo hoặc cho một công tác nào đó, nhưng đừng bao giờ dâng hiến cho một tổ chức sai trái”. Chị nói: “Mấy ngày nay, Chúa nói với tôi về việc tôi chú trọng thái quá đến tiền bạc. Mới đầu tôi không thể chấp nhận điều đó, nhưng bây giờ thì tôi đồng ý. Khi tôi cầu nguyện sáng nay, Chúa nói với tôi rằng: ‘Con không cần cầu nguyện thêm nữa. Hãy bắt đầu dâng hiến tiền bạc của mình’. Bây giờ tôi có phần khó chịu, nhưng bây giờ tôi đến đây trao cho anh ba mươi đô-la để dùng cho công tác của Chúa”. Số tiền ấy vừa đủ để in một ngàn bốn trăm số *Chúng Có Hiện Tại*. Về sau, một người khác dâng thêm ba mươi đô-la, và số tiền ấy đủ để trả cước phí và những chi phí phụ khác. Số đầu tiên của tạp chí *Chúng Có Hiện Tại* đã được xuất bản như vậy.

Thời Gian Bắt Đầu Cuộc Phục Hưng

Vào đầu năm 1923, chúng tôi bắt đầu tổ chức những buổi nhóm tại

Phúc Châu trong sảnh đường tại nhà của một anh em. Các ghế đẩu được thu thập từ nhiều nơi khi cần thiết, và chúng tôi đi mời bà con hàng xóm đến nghe. Vì Chúa đã khởi xướng, nên người ta dễ dàng được cứu. Cách chúng tôi mời mọc người ta khá công hiệu: mỗi anh em đều mặc một chiếc áo gi-lê có những hàng chữ như “Bạn sẽ chết” ở đằng trước và “Tin nơi Chúa Giê-su để được cứu” ở đằng sau. Ngoài ra còn có những khẩu hiệu tương tự khác. Với biểu ngữ trong tay, chúng tôi diễn hành khắp nơi, vừa bước đi trên đường vừa ca hát. Những người nhìn thấy chúng tôi đều ngạc nhiên, và theo cách ấy, nhiều người được đem đến buổi nhóm. Ngày nào chúng tôi cũng diễn hành như vậy, và ngày nào người ta cũng đến nghe phúc-âm. Họ ngồi đầy phòng khách, nhà bếp và ở ngoài sảnh đường.

Chúng tôi thuê một số ghế đẩu cho buổi nhóm, nhưng sau hai tuần thì mãn thời hạn thuê. Khi hết hạn, chúng tôi không còn tiền, nên phải trả lại các ghế ấy. Chúng tôi không biết có nên tạm ngưng nhóm họp không? Tôi tuyên bố rằng trong tương lai, người nào muốn đến tham dự buổi nhóm đều phải mang theo ghế của mình. Chiều hôm ấy, toàn thể khu vực đồi Tsang Chien đầy những người già trẻ, lớn bé, thanh niên thiếu nữ tay mang tay xách ghế đẩu. Ngay cả các viên cảnh sát cũng ngạc nhiên trước cảnh tượng ấy.

Cảm tạ Chúa, nhờ sự ban phước

đặc biệt của Ngài, vài trăm người đã được cứu. Vào dịp đó, nền tảng sự cứu rỗi đã được thiết lập cách rõ ràng. Mãi đến thời điểm ấy, nhiều tín đồ tại Trung Quốc mới sáng tỏ về sự cứu rỗi. Nhờ các buổi nhóm ấy và nhờ các anh em chúng tôi rao giảng tại những nơi khác nhau mà từ đó nhiều người đi đến chỗ hiểu biết sự cứu rỗi.

Thuê Cơ Sở Để Nhóm Họp

Sau khi chúng tôi tổ chức các buổi nhóm trong khoảng một tháng, một số anh em trẻ giữa vòng chúng tôi cảm thấy chúng tôi cần phải có một chỗ thích hợp để nhóm họp trong tương lai. Vì không đủ tiền, nên chúng tôi không thể nào thực hiện việc ấy. Tôi đến trường để bàn vấn đề này với vài anh em như Faithful Luke, Simon Meek và Wang Tsi, và chúng tôi đồng ý là phải tiếp tục công tác giữa vòng các sinh viên. Khi ấy, lần đầu tiên tôi thuê một cơ sở; cơ sở ấy thuộc về một gia đình họ Hồ, và toàn thể gia đình ấy đều đã được cứu. Họ đồng ý cho tôi thuê nơi ấy với giá chỉ chín đô-la mỗi tháng. Sau đó, tôi cùng với vài anh em cầu nguyện xin Đức Chúa Trời cung ứng ba tháng tiền thuê mà chúng tôi cần trước khi dọn vào.

Mỗi thứ Bảy, tôi đều đến Ma-Kiang thuộc tỉnh Phúc Kiến để nghe chị Margaret Barber giảng. Lần ấy, khi tôi gặp chị, chị nói: “Đây là hai mươi bảy đô-la mà một người bạn nhờ tôi trao cho anh để dùng cho công tác của anh”. Số tiền ấy vừa đủ

để trả ba tháng tiền thuê, mỗi tháng chín đô-la, không thừa không thiếu. Khi trở về, tôi liền trả trước ba tháng tiền thuê. Về sau, chúng tôi lại cầu nguyện, và Chúa lại cung ứng. Đó là khởi đầu công tác tại Phúc Châu.

Cuộc Phục Hưng Của Nhiều Tín Đồ

Tôi chưa từng thấy một cuộc phục hưng nào lớn hơn cuộc phục hưng này. Dường như người nào tiếp xúc với chúng tôi đều liền được cứu. Khi đến trường mỗi sáng vào lúc năm giờ, tôi thấy cả trăm người đọc Kinh Thánh ở khắp nơi. Đọc tiểu thuyết vốn rất được ưa chuộng, nhưng bấy giờ những người muốn đọc tiểu thuyết chỉ có thể đọc lên lút. Thay vào đó, đọc Kinh Thánh trở thành một việc làm đáng kính trọng. Trong trường chúng tôi có tám lớp, và mỗi lớp đều có một lớp trưởng và một lớp phó. Điều lạ lùng là trên thực tế lớp trưởng của lớp nào cũng được cứu. Thậm chí tất cả những vận động viên nổi tiếng đều được cứu, mà giữa vòng họ có anh Weigh Kwang-hsi là người giữ chức vô địch quần vợt tỉnh Phúc Kiến suốt nhiều năm. Điều gì chúng tôi làm vị hiệu trưởng cũng tán phục. Điều duy nhất ông than thở là thái độ của chúng tôi đối với Anh Quốc giáo. Vị hiệu trưởng vốn là một thành viên trong Anh Quốc giáo, nhưng chúng tôi không chịu thuộc về giáo phái ấy.

Hằng ngày có hơn sáu mươi người cầm biểu ngữ đi diễn hành, và vài chục người đi quanh phân phát

chứng đạo đơn. Toàn thể thị trấn Phúc Châu với khoảng một trăm ngàn dân đều rúng động.

Nhiều anh em được cứu chịu báp-têm ngay lập tức. Khi ấy, chúng tôi bắt đầu nhóm họp theo Kinh Thánh. Sự nhóm họp tại Phúc Châu đã bắt đầu như vậy. Về sau, số tín đồ gia tăng, và công tác tại các làng mạc cũng bắt đầu.

Một Khởi Đầu Mới Trong Công Tác

Trong khoảng thời gian giữa 1921 đến 1923, các buổi nhóm phục hưng được tổ chức để dẫn dắt người ta đến với Chúa. Bấy giờ, việc rao giảng phúc-âm được xem là công tác duy nhất cho Đức Chúa Trời. Nhưng Đức Chúa Trời đã mở mắt tôi để thấy rằng mục đích của Ngài đòi hỏi những người đã được cứu bởi ân điển phải đứng trên lập trường hiệp một trong các hội-thánh địa phương để đại diện và duy trì chứng cứ của Đức Chúa Trời trên đất. Một số đồng công của tôi có quan điểm khác về lẽ thật về hội-thánh. Nhưng khi nghiên cứu kỹ sách Công-vụ, tôi nhận thấy ước muốn của Đức Chúa Trời là thiết lập các hội-thánh địa phương tại mọi thành phố. Khi ấy, ánh sáng chiếu trên tôi rất rõ ràng đến nỗi tôi nhận thấy đó là mục đích của Ngài.

Vào thời điểm tôi nhận được ánh sáng này, một số đồng công của tôi gây ra nan đề, và họ cũng là những người bất đồng ý kiến với tôi về những điểm quan trọng trong công tác.

Tình trạng ấy gây ra xích mích giữa vòng chúng tôi. Họ cảm thấy cần phải sốt sắng trong công việc phục hưng và rao giảng phúc-âm, và bông trái của công tác ấy có thể dễ dàng được nhận thấy. Tuy nhiên, quan điểm của tôi là phải thiết lập các hội-thánh địa phương, và ít nhấn mạnh đến việc phục hưng và rao giảng. Khi một đồng công lớn tuổi hơn ra đi tổ chức các buổi truyền giảng phúc-âm như thường lệ, đôi khi tôi có ý định bí mật tổ chức các buổi nhóm phục hưng riêng của mình để truyền giảng phúc-âm. Tuy nhiên, thay vì làm như vậy khi anh đi xa, ngay lập tức tôi hành động theo khải tượng mình đã nhận được. Khi trở về, anh phá hủy những gì tôi đã thực hiện và hành động theo quan niệm của anh. Nhưng khi anh ấy vắng mặt, thì tôi trở lại đường lối cũ của mình. Do đó, chúng tôi liên tục dằng co về vấn đề này. Vì mỗi người chúng tôi nhận được ánh sáng khác nhau về công tác, nên cách chúng tôi công tác cũng khác nhau. Một cách là phục hưng và truyền giảng phúc-âm, trong khi cách kia là thiết lập các hội-thánh địa phương. Những gì Chúa bày tỏ cho tôi thì vô cùng rõ ràng: Chẳng bao lâu Ngài sẽ đẩy lên những hội-thánh địa phương tại những miền khác nhau của Trung Quốc. Mỗi khi tôi nhắm mắt, khải tượng về sự sinh ra các hội-thánh địa phương xuất hiện. [Lời người biên tập ghi chú: Đến năm 1949 có khoảng bốn năm trăm hội-thánh địa phương được đẩy lên trên khắp Trung Quốc].

Năm 1924, vài đồng công không thỏa lòng với tôi, và thành linh Đức Chúa Trời cho hội-thánh tại Phúc Châu trải qua một cơn thử nghiệm. Để tránh cảnh chia rẽ, khi ấy tôi lìa khỏi Phúc Châu. Về sau, tôi được kêu gọi đi thăm vùng Đông Nam Á; cho nên tôi đến nơi ấy, và các buổi nhóm bắt đầu tại đó. Tháng 5 năm 1925, tôi trở về và mượn cơ sở tại Pagoda thuộc Phúc Châu, một làng nhỏ ven biển, với dự tính ổn định cuộc sống. Khi ấy tôi cảm thấy chúng tôi cần phải xuất bản một tạp chí nhấn mạnh đến các lẽ thật về sự cứu rỗi và hội-thánh, và cũng bàn đến lời tiên tri và các biểu tượng. Tạp chí này có tên là *Cơ-đốc-nhân*. Ý định ban đầu của tôi là tạp chí này chỉ có tính chất tạm thời. Năm 1925, hai số được xuất bản, năm 1926, mười số được xuất bản, và năm 1927, vì sự yêu cầu liên tục, nên mười hai số được xuất bản.

Vào sáu tháng đầu năm 1926, tôi đến thăm Amoy, Kulangsu, Changchow và Tung-An để làm chứng, và nhiều người được cứu. Vào sáu tháng sau của năm ấy, tôi trở lại thăm những nơi đó. Bấy giờ tôi rất mệt mỏi vì đã phải tổ chức nhóm họp, viết báo và còn lo việc thư từ. Khi ấy tôi đã thấy hơi khó chịu trong mình. Ban đầu tôi sắp xếp nhóm họp trong mười ngày, nhưng đến ngày thứ chín tôi ngã bệnh. Một công tác viên khác đến và tiếp tục công tác thêm vài ngày. Vào sáu tháng sau của năm 1926, công tác tại miền nam Phúc Kiến bắt đầu, với

những buổi nhóm tại Amoy, Tung-An và các vùng phụ cận.

Vài bác sĩ nói rằng căn bệnh mà tôi mắc phải trong khi ở tại Amoy rất có thể nguy hại đến tính mạng và có lẽ tôi chỉ sống được vài tháng! Tôi không sợ chết, nhưng tôi không thể không nghĩ đến việc những gì tôi đã học được từ nơi Chúa trong những năm qua và những bài học tôi kinh nghiệm được chưa được viết ra. Chắc chắn tất cả những điều ấy không được theo tôi xuống mồ mả! Tôi chuẩn bị viết quyển *Người Thuộc Linh*.

Khi đến Nam Kinh, tôi được biết một số anh chị em đang đứng trên lập trường hiệp nhất tại hội-thánh địa phương cùng nhau bẻ bánh, cho nên tự nhiên tôi đến với họ và hiệp với họ tưởng nhớ Chúa. Khi ấy, anh Weigh Kwang-hsi là bạn cùng lớp của tôi đang học tại Trường Đại Học Nam Kinh. Nhờ được anh giới thiệu, tôi đến trường đại học ấy chia sẻ vài bài giảng, đồng thời chinh phục được hai anh em là những người chúng tôi tiếp nhận tại bàn của Chúa. Đó là khởi đầu công tác của chúng tôi tại Nam Kinh.

Để hiến mình viết quyển *Người Thuộc Linh*, không lâu sau tôi lìa khỏi Nam Kinh và đến vùng nông thôn tại Wusih, tại đó tôi viết bốn phần đầu của quyển sách. Chiến tranh xảy ra vào tháng 3 năm 1927, và vì không thể liên lạc với các anh chị em tại một số nơi nên tôi rời khỏi vùng

nông thôn đến Thượng Hải. Đến nơi, tôi được biết anh chị em từ nhiều nơi lần lượt đến. Trước khi tôi đến Thượng Hải, tại nhà của chị Pearl Wang ở Hsin Viên đã có buổi nhóm bẻ bánh. Sau khi tất cả chúng tôi đến, phòng nhóm của chúng tôi được chuyển đến hẻm Keng Ching, và Phòng Sách Phúc-âm được mở tại Thượng Hải.

Thời gian gần cuối năm 1927, chúng tôi có buổi nhóm cầu nguyện mỗi ngày. Các tín đồ tại Ping-Yang và vùng phụ cận, ở phía bắc sông Dương Tử, là những người từng được giúp đỡ bởi các lời chứng chúng tôi viết, bắt đầu thư từ với chúng tôi. Nhận thấy rằng họ đã sẵn sàng được chỉ dẫn và các tín đồ tại Trung Quốc cần điều này, nên chúng tôi nghĩ đến việc tổ chức một buổi nhóm đặc biệt dành cho họ. Vào tháng 1 năm 1928, chúng tôi mượn một cơ sở tại hẻm Wen-theh trên đường Hardoon ở Thượng Hải, và vào ngày 1 tháng 2, chúng tôi bắt đầu buổi nhóm đặc biệt. Chủ đề chính của các bài giảng là mục đích đời đời của Đức Chúa Trời và chiến thắng của Đấng Christ. Chúng tôi không đề cập đến các vấn đề khác chẳng hạn như lễ thật liên quan đến hội-thánh. Có khoảng hai mươi hay ba mươi anh chị em đến từ nhiều nơi khác nhau, nhưng Đức Chúa Trời chiếu sáng họ và giúp họ nhìn thấy mình cần phải bước đi trên con đường sự sống như thế nào. Tự họ giải quyết những nan đề như báp-têm, từ bỏ giáo phái và những

điều tương tự khác. Trong bốn năm dẫn đến năm 1936, bảy tám trăm anh chị em đã được cứu và phục hưng tại khoảng mười địa điểm nhóm họp phía bắc sông Dương Tử. Cũng tại khoảng mười địa điểm nhóm họp ở Ping-Yang, vùng phụ cận và Tai-Shun, chừng bốn ngàn người được cứu hoặc phục hưng. Toàn bộ công tác ấy đã được chính Chúa thực hiện, và Ngài đã hành động suốt nhiều năm để thực hiện công tác ấy.

Sau khi dời đến hẻm Wen-teh vào năm 1928, chúng tôi quyết định tục bản tạp chí *Chúng Có Hiện Tại* vì tạp chí *Cơ-đốc-nhân* đã đình bản. Năm 1930, tạp chí *Ghi Lại Các Sự Diệp Kinh Thánh* được xuất bản.

Trong thời gian ngắn ngủi ấy tại Thượng Hải, mục tiêu của chúng tôi là làm cho người ta đi theo chính Chúa, sự dạy dỗ của Kinh Thánh và sự hướng dẫn của Thánh Linh. Chúng tôi không mong đợi ai dâng mình cho chúng tôi. Đây không phải cái gọi là chính sách độc quyền, cũng không có nghĩa là chúng tôi xem mình là những người duy nhất đúng đắn; ước mong duy nhất của chúng tôi là trung thành đến cùng. Tôi viết quyển *Người Thuộc Linh* trong khi bị bệnh; khi quyển sách ấy được hoàn tất, bệnh tình của tôi trở nên trầm trọng hơn và hầu như tôi phải nằm liệt giường. Vì ngôi nhà thuộc đất của lều trại tôi có thể sụp đổ bất cứ lúc nào, nên không gì đáng đề cập trong vài năm đầu tôi ở tại Thượng Hải. Trong hai năm sau,

công việc mới thực sự bắt đầu. Năm 1931 lại có một buổi nhóm đặc biệt trong đó sứ điệp chính liên quan đến hai chủ đề lớn là Tân Ước và sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời. Tại buổi nhóm ấy có thêm các anh chị em từ những nơi khác.

ĐỨC CHÚA TRỜI LÀ Đấng CHỮA LÀNH TÔI

Tôi bắt đầu biết mình bị bệnh vào năm 1924, tôi cảm thấy mình yếu đuối, ngực đau nhức và bị sốt nhẹ. Tôi không biết có điều gì trục trặc. Bác sĩ H. S. Wong nói với tôi: “Tôi biết anh có đức tin và Đức Chúa Trời có thể chữa lành cho anh, nhưng xin cho phép tôi khám và chẩn bệnh cho anh”. Sau cuộc khám nghiệm, ông nói thì thầm với anh Wong Teng Ming một lúc. Ban đầu, đầu tôi hỏi, họ vẫn không cho tôi biết kết quả của cuộc khám nghiệm. Nhưng khi tôi nói với họ rằng tôi không sợ, Bác sĩ Wong mới cho biết tôi bị lao phổi và tình trạng trầm trọng đến nỗi tôi cần phải nghỉ ngơi dài hạn.

Đêm hôm ấy tôi không ngủ được, tôi không muốn gặp Chúa đang khi chưa làm xong công việc mình. Tôi rất nản lòng. Tôi quyết định đi về miền quê để nghỉ ngơi và tương giao với Chúa nhiều hơn. Tôi hỏi Chúa: “Ý muốn Ngài dành cho con như thế nào? Nếu Ngài muốn con chết, con không sợ chết”. Suốt hơn nửa năm, tôi không nắm được ý muốn Ngài, nhưng tôi có niềm vui trong lòng và tin rằng Chúa không bao giờ sai

lầm. Trong thời gian ấy, tôi nhận được nhiều bức thư không đem đến sự an ủi hay khích lệ, trái lại là những lời quở trách tôi vì đã làm việc quá nhiều và không chăm sóc cuộc sống mình đúng mức. Một anh em trách tôi bằng cách trích Ê-phê-sô 5:29: “Vì không ai ghét chính xác thịt mình, nhưng nuôi dưỡng và chăm sóc nó, như Đấng Christ đối với hội-thánh”. Anh Cheng Chi-kwei mời tôi về nhà anh để nghỉ ngơi và đồng thời giúp anh dịch bài học hàm thụ Kinh Thánh của Tiến sĩ C. . Scoield. Trong thời gian ấy, có khoảng ba mươi anh chị em đến tương giao với tôi. Tôi nói chuyện với họ về vấn đề hội-thánh. Tôi đi đến chỗ nhận thức rằng bàn tay của Đức Chúa Trời ở trên tôi để bày tỏ rằng mục đích của Ngài là muốn xoay tôi trở lại khỏi tượng ban đầu, nếu không, cuối cùng tôi đã đi con đường của một sứ giả phục hưng.

Ngay tháng trôi qua, tôi vẫn không được chữa lành. Dầu ráng sức viết và nghiên cứu Kinh Thánh, tôi cảm thấy căng thẳng quá mức. Chiều chiều, tôi hơi sốt, ban đêm tôi không ngủ được và thường đổ mồ hôi. Khi có người khuyên tôi nên nghỉ ngơi nhiều hơn, tôi đáp: “Tôi e ngại mình nghỉ ngơi đến nỗi trở nên rỉ sét”. Tôi cảm thấy dầu có thể mình không sống lâu, tôi phải tin rằng Đức Chúa Trời sẽ gia tăng sức mạnh cho tôi và tôi phải làm việc cho Ngài. Tôi hỏi Chúa về công việc nào Ngài giao mà tôi chưa làm xong. Bất cứ điều gì

Ngài muốn tôi làm, tôi xin Ngài giữ mạng sống tôi để tôi làm điều ấy, nếu không, tôi cảm thấy trên đất này không có gì đáng cho tôi phải sống. Tôi có thể chỗi dậy khỏi giường bệnh một thời gian, nhưng cuối cùng tôi không chỗi dậy nổi. Có lần tôi được mời hưởng dẫn một buổi nhóm truyền giảng phúc-âm. Tôi ráng sức chỗi dậy và xin Chúa ban sức mạnh cho tôi. Trong khi đi bộ đến buổi nhóm, thỉnh thoảng tôi buộc phải dựa vào cột đèn để nghỉ. Mỗi lần như vậy, tôi nói với Chúa: “Chết cho Ngài là điều đáng làm”. Một vài anh em biết tôi làm như vậy đã quở trách tôi không biết giữ gìn sức khỏe. Tôi trả lời với họ rằng tôi yêu Chúa và muốn bỏ sự sống tôi vì Ngài.

Sau khi cầu nguyện khoảng hơn một tháng, tôi cảm thấy mình nên viết một cuốn sách về những gì đã học được trước mặt Đức Chúa Trời. Tôi quan niệm một người chỉ nên viết sách khi về già, nhưng khi suy xét rằng mình có thể sớm lìa khỏi trái đất này, tôi cảm thấy mình nên bắt đầu viết. Tôi thuê một căn phòng nhỏ tại Wusih, tỉnh Kiangsu, là nơi tôi giam mình trong phòng và để thì giờ viết lách. Lúc ấy bệnh của tôi càng trở nên trầm trọng đến nỗi tôi không nằm nổi. Khi viết tôi ngồi trên ghế có lưng ghế cao và tì ngực vào bàn để làm dịu cơn đau. Sa-tan nói với tôi: “Vì ngươi sắp chết, tại sao không chết trong tình trạng tương đối dễ chịu thay vì chết trong đau đớn?” Tôi đáp trả: “Chúa muốn ta

như thế này, người hãy đi khỏi nơi đây!” Phải mất bốn tháng tôi mới hoàn thành được ba quyển *The Spiritual Man* (Người Thuộc Linh). Việc viết quyển sách này thật là một công việc lao khổ với máu, mồ hôi và nước mắt. Tôi không còn hi vọng mình sẽ sống, nhưng ân điển của Đức Chúa Trời đã đem tôi qua khỏi. Mỗi khi viết xong, tôi tự nhủ: “Đây là lời chứng cuối cùng của tôi cho hội-thánh”. Dầu phải viết giữa mọi loại khó khăn, gian khổ, tôi cảm thấy Đức Chúa Trời gần gũi mình cách lạ thường. Một vài người cảm thấy Đức Chúa Trời đối xử tàn nhẫn với tôi. Anh Cheng viết cho tôi nói: “Anh đang ráng sức quá mức, một ngày kia anh sẽ hối tiếc về điều ấy”. Tôi đáp: “Tôi yêu Chúa tôi và tôi muốn sống cho Ngài”.

Tôi viết quyển *Người Thuộc Linh* trong thời gian bệnh dai dẳng. Khi quyển sách ấy sẵn sàng để xuất bản, chúng tôi cần khoảng bốn ngàn đô-la. Vì trong tay không có tiền, nên tôi cầu xin Đức Chúa Trời đáp ứng nhu cầu. Chỉ bốn đồng công biết nhu cầu này. Không người nào khác biết. Không lâu sau, Chúa cung ứng bốn trăm đô-la, và chúng tôi ký hợp đồng với một thợ in để bắt đầu in quyển sách này. Đòi bên thỏa thuận rằng trường hợp không trả được những lần trả góp theo sau, thì không những chúng tôi mất số tiền đặt cọc bốn trăm đô-la, mà còn phải trả số tiền thiếu còn lại. Vì vậy, chúng tôi đồng tâm hiệp ý cầu nguyện cho vấn đề này. Khi ấy, tôi còn nằm liệt giường.

Lần nào người thợ in đến lấy tiền trả góp, Chúa cũng cung ứng tiền bạc cho chúng tôi. Nhận thấy chúng tôi giữ đúng lời hứa, người thợ in nói: “Chỉ những người trong hội-thánh các anh mới trả tiền đúng hẹn như vậy”.

Sau khi in quyển sách ấy, tôi cầu nguyện: “Bây giờ xin cho đầy tớ Ngài ra đi trong sự bình an”. Đồng thời bệnh tôi càng trở nặng hơn. Ban đêm tôi không thể ngủ yên; còn khi thức, tôi liên tục trằn trở. Về phương diện thể xác, tôi chỉ còn là một bộ xương. Tôi đổ mồ hôi ban đêm, giọng nói trở nên khàn. Người ta rất khó nghe tôi nói mặc dầu họ kê sát tai vào miệng tôi. Vài chị em thay phiên chăm sóc tôi, một trong số đó là y tá cựu chiến binh. Mỗi khi trông thấy tôi là chị khóc. Chị làm chứng: “Tôi đã thấy nhiều bệnh nhân, nhưng chưa bao giờ thấy một người tình trạng đáng thương như anh ấy. Tôi e rằng anh ấy chỉ có thể sống thêm ba hay bốn ngày nữa thôi”. Khi có người thuật lại điều này, tôi nói: “Mong là như vậy. Tôi biết mình sắp chết”. Một anh em gửi điện tín đến các hội-thánh tại nhiều nơi, cho họ biết là không còn hi vọng gì cho tôi nữa và họ không cần phải cầu nguyện cho tôi nữa.

Một ngày kia, tôi hỏi Đức Chúa Trời: “Vì sao Ngài gọi con về sớm như vậy?” Tôi xưng ra những sự phạm của mình trước mặt Đức Chúa Trời, sợ rằng tôi đã không trung tín trong một điều nào đó. Cùng lúc ấy, tôi thưa với Đức Chúa Trời rằng tôi

không có đức tin. Cũng trong ngày đó, tôi kiêng ăn, cầu nguyện và trình dâng chính mình cho Ngài một lần nữa. Tôi nói với Ngài tôi sẽ không làm gì trừ ra điều Ngài chỉ định cho tôi. Tôi kiêng ăn từ sáng đến ba giờ chiều. Đồng thời, các anh em đồng công cùng nhau tha thiết cầu nguyện cho tôi tại nhà chị Ruth Lee. Khi tôi xin Đức Chúa Trời ban cho mình đức tin, Ngài phán lời Ngài cho tôi, những lời tôi không bao giờ quên. Câu đầu tiên là: “Người công chính sẽ sống bởi đức tin” (Rô 1:17). Câu thứ hai là: “Anh em đứng bởi đức tin” (2 Côr. 1:24). Câu thứ ba là: “Chúng ta bước đi bởi đức tin” (2 Côr. 5:7). Những lời này làm lòng tôi tràn ngập niềm vui, vì Kinh Thánh nói: “Mọi sự đều có thể được cho người nào tin” (Mác 9:23). Ngay lập tức, tôi cảm tạ và ngợi khen Đức Chúa Trời vì đã ban lời Ngài cho tôi. Tôi tin Đức Chúa Trời đã chữa lành tôi.

Sự thử nghiệm đến ngay sau đó. Kinh Thánh nói: “Anh em đứng bởi đức tin”, nhưng tôi vẫn nằm trên giường. Một cuộc xung đột nảy sinh trong tâm trí tôi: Tôi nên dậy và đứng lên hay cứ nằm ở đó? Chúng ta đều biết người ta yêu mình và cho rằng chết trên giường là thoải mái hơn chết đứng. Khi ấy lời Đức Chúa Trời bày tỏ ra quyền năng, nên không quan tâm đến mọi điều khác, tôi mặc bộ quần áo mà đã một trăm bảy mươi sáu ngày qua tôi không mặc đến. Khi lìa khỏi giường để đứng lên, tôi đổ mồ hôi nhiều đến nỗi mình tôi ướt đẫm

như bị mắc mưa. Sa-tan nói với tôi: “Người cố gắng đứng trong khi thậm chí người không ngồi lên nổi chằng?” Tôi đáp trả: “Đức Chúa Trời bảo ta đứng”, và tôi đứng dậy. Tôi lại đổ mồ hôi lạnh và suýt ngã xuống. Tôi cứ lặp lại: “Đứng bởi đức tin, đứng bởi đức tin!” Sau đó tôi đi vài bước để lấy quần tây và vớ. Sau khi mặc quần vào, tôi ngồi xuống. Tôi vừa mới ngồi thì lời Đức Chúa Trời đến với tôi rằng không những tôi nên đứng bởi đức tin mà còn đi bởi đức tin nữa. Tôi cảm thấy có khả năng đứng lên và đi vài bước để lấy quần và vớ đã là một việc kỳ diệu rồi. Làm thế nào tôi mong đi xa hơn nữa? Tôi hỏi Đức Chúa Trời: “Ngài muốn con đi đâu?” Ngài đáp: “Đi xuống cầu thang đến nhà chị Lee ở số 215”. Một số anh chị em đang kiêng ăn cầu nguyện cho tôi tại đó suốt hai ba ngày liền.

Tôi nghĩ: “Đi trong phòng thì được, nhưng làm thế nào tôi có thể đi xuống cầu thang?” Tôi cầu nguyện với Đức Chúa Trời: “Đức Chúa Trời ôi, con có thể đứng bởi đức tin, và bởi đức tin con cũng có thể đi xuống cầu thang!” Ngay lập tức, tôi đi ra cửa dẫn xuống cầu thang và mở cửa ra. Tôi nói thật với anh em rằng khi đứng trên đầu cầu thang, đối với tôi dường như đó là cầu thang cao nhất mà tôi từng thấy trong đời. Tôi nói với Đức Chúa Trời: “Nếu Ngài bảo con bước đi, con sẽ bước đi dầu con phải chết vì ráng làm như vậy”. Nhưng tôi nói tiếp: “Chúa ôi, con không thể đi được. Cầu xin Ngài

dùng tay nâng đỡ con đang khi con đi”. Một tay bám lấy thành cầu thang, tôi đi xuống từng bước một. Tôi lại đổ mồ hôi lạnh. Đang khi đi xuống cầu thang, tôi tiếp tục kêu lên: “Bước đi bởi đức tin, bước đi bởi đức tin!” Mỗi bước đi xuống, tôi cầu nguyện: “Chúa ôi, Ngài là Đấng làm cho con có thể đi được”. Trong khi bước xuống hai mươi lăm bậc thang ấy, dường như tôi đi tay trong tay với Chúa trong đức tin.

Khi đến cuối cầu thang, tôi cảm thấy rất mạnh khỏe và đi nhanh đến cửa sau. Tôi mở cửa và đi thẳng đến nhà chị Lee. Tôi nói với Chúa: “Từ nay trở đi, con sẽ sống bởi đức tin và không còn là một người tàn tật nữa”. Tôi gõ cửa như Phi-e-rơ đã làm trong Công-vụ 12:12-17, nhưng không có Rô-đơ ra mở cửa. Khi cửa mở, tôi bước vào nhà, bảy tám anh chị em nhìn tôi chăm chăm. Họ ngồi lặng thinh, không ai nhúc nhích. Khoảng suốt một giờ, mọi người ngồi im lặng dường như Đức Chúa Trời hiện ra ở giữa loài người. Tôi cũng ngồi đó với lòng đầy dẫy sự cảm tạ và ngợi khen. Sau đó tôi thuật lại tất cả những gì đã xảy ra trong tiến trình tôi được chữa lành một cách đầy ân điển. Vui mừng và hớn hở trong linh, tất cả chúng tôi đều ngợi khen Đức Chúa Trời lớn tiếng vì công việc lạ lùng của Ngài. Cũng trong ngày ấy, chúng tôi thuê một chiếc xe đến vùng ngoại ô Kiangwan để thăm chị Dora Yu, nữ truyền giáo nổi tiếng. Chị sưng sốt vô cùng khi nhìn thấy tôi, vì chị đã nhận được tin tức gần

đây cho biết tôi sắp chết. Khi tôi xuất hiện, chị nhìn tôi như người chết sống lại. Chúng tôi có thêm một cơ hội vui mừng cảm tạ và ngợi khen trước mặt Chúa. Chúa Nhật sau đó, tôi giảng trên bục suốt ba giờ đồng hồ.

Cách đây khoảng bốn năm, tôi đến dự cuộc bán đấu giá tại nhà một bác sĩ người Đức. Khi hỏi thăm, tôi mới biết bác sĩ này là người đã chụp hình phổi cho tôi bằng quang tuyến nhiều năm trước đó. Ông chụp ba phim và cho tôi biết không còn hi vọng gì nữa. Khi tôi yêu cầu chụp một lần nữa, ông nói không cần thiết. Sau đó ông cho tôi xem phim chụp phổi bằng quang tuyến của một người khác và nói: “Tình trạng người này tốt hơn anh, nhưng anh ấy đã chết tại nhà hai tuần sau khi chụp phim này. Anh đừng đến gặp tôi nữa, tôi không muốn lấy thêm tiền của anh”. Khi nghe như vậy, tôi về nhà vô cùng tuyệt vọng. Sau đó, cách đây bốn năm, tôi đọc một lời quảng cáo trên báo về cuộc bán đấu giá một tòa nhà và đồ đạc của một bác sĩ người Đức nổi tiếng nọ đã chết. Khi khám phá ra bác sĩ này là người đã chụp hình phổi tôi bằng quang tuyến cách đây nhiều năm, tôi giơ tay lên ngợi khen Chúa. Tôi nói: “Bác sĩ này đã chết. Ông ấy nói chẳng bao lâu con sẽ chết, nhưng bây giờ ông ấy đã chết. Chúa đã bày tỏ ân điển Ngài cho con”. Trong huyết Chúa, tôi nói: “Bác sĩ này là người mạnh khỏe hơn con đã chết nhưng con được Chúa chữa lành và

vẫn sống”. Hôm ấy, tôi đã mua nhiều món đồ trong nhà ông để kỷ niệm.

SỰ DẪN DẮT CHO CÔNG TÁC

Từ khi bị bệnh nằm liệt giường cho tới khi được Đức Chúa Trời chữa lành, tôi được cho thấy rõ ràng hơn về loại công tác Đức Chúa Trời muốn tôi thực hiện. Công tác ấy bao gồm bốn khía cạnh sau đây:

Công Tác Văn Phẩm

Trước khi bị bệnh, không những tôi đi thăm nhiều nơi khác nhau để tổ chức những buổi nhóm đặc biệt, mà tôi còn có tham vọng lớn là soạn một bộ chú giải Kinh Thánh toàn diện có giá trị. Tôi có ý định dành nhiều sức lực, thời gian và tiền bạc để viết một bộ chú giải lớn bao gồm khoảng một trăm quyển. Sau khi hoàn tất quyển *Người Thuộc Linh*, tức quyển sách tôi bắt đầu viết tại Nam Kinh khi ngã bệnh, tôi nhận biết rằng công việc giải nghĩa Kinh Thánh không phải dành cho tôi. Tuy nhiên, từ đó, tôi thường bị vấn đề này cám dỗ. Sau khi lành bệnh, Đức Chúa Trời bày tỏ cho tôi rằng điểm chính của sứ điệp mà Ngài ban cho tôi không phải là giải nghĩa Kinh Thánh, rao giảng phúc-âm bình thường, chú ý đến những lời tiên tri, hay bất cứ điều gì khác bề ngoài, mà là nhấn mạnh đến lời sống động của sự sống. Do đó, tôi thấy cần phải tục bản *Chúng Có Hiện Tại* để giúp con cái Đức Chúa Trời trong sự sống thuộc linh và chiến trận thuộc linh. Mỗi thời đại đều có một lẽ thật duy

nhất đặc biệt cần thiết cho thời ấy. Đối với chúng ta là những người sống vào những ngày sau cùng cũng phải có một lẽ thật nào đó mà chúng ta đặc biệt cần. Nhờ tạp chí *Chúng Có Hiện Tại*, chúng có về lẽ thật của thời đại hiện tại được sinh ra. Tôi được thuyết phục cách sâu xa rằng hiện tại là thời kỳ chuẩn bị. Con cái Đức Chúa Trời sẽ được gạt hái, nhưng trước hết họ phải chín mùi (Mác 4:29). Thời điểm chúng ta được cất lên đã gần; hội-thánh sẵn sàng hay chưa là vấn đề tối trọng yếu. Mục tiêu của Đức Chúa Trời ngày nay là xúc tiến việc xây dựng Thân Thể của Con Ngài là hội-thánh. Như đã chép trong Kinh Thánh: “Để sau khi đã dùng nước là lời mà rửa cho tinh sạch rồi, thì khiến hội nên thánh, cốt để Ngài trình diện cho mình Hội thánh vinh diệu” (Êph. 5:26-27), hầu cho mau chóng tiêu diệt kẻ thù để đem đến vương quốc. Tôi hi vọng cách khiêm nhường rằng trong cánh tay của Chúa, tôi có thể đóng góp chút ít trong công tác vinh hiển này. Tất cả những gì tôi đã viết đều có một mục tiêu là độc giả sẽ hoàn toàn dâng mình cho Đức Chúa Trời và trở nên người hữu dụng trong tay Ngài trong cõi sáng tạo mới. Bây giờ tôi hết lòng giao phó những gì tôi viết, độc giả của tôi và chính tôi cho Đức Chúa Trời là Đấng mãi mãi gìn giữ con người, và hi vọng rằng Linh của Ngài sẽ hướng dẫn tôi vào tất cả những lẽ thật của Ngài.

Tổ Chức Các Buổi Nhóm Người Đắc Thắng

Đức Chúa Trời cho tôi thấy rằng tại mỗi hội-thánh địa phương, một nhóm người đắc thắng sẽ được dấy lên (như được đề cập trong Khải-thị chương 2 và 3) để làm những chứng nhân của Chúa. Do đó, năm nào cũng có kỳ hội đồng người đắc thắng để trung tín chia sẻ những sứ điệp Đức Chúa Trời đã ban cho tôi.

Xây Dựng Các Hội-Thánh Địa Phương

Khi Chúa kêu gọi tôi phục vụ Ngài, mục tiêu chính không phải là để tôi tổ chức các buổi nhóm phục hưng cho người ta nghe thêm giáo lý Kinh Thánh, cũng không phải để tôi trở nên một nhà truyền đạo vĩ đại. Chúa bày tỏ với tôi rằng Ngài muốn xây dựng các hội-thánh địa phương tại các địa phương khác để hiển lộ chính Ngài, mang chứng cứ hiệp nhất trên lập trường địa phương hầu mỗi thánh đồ có thể thi hành trách nhiệm của mình trong hội-thánh và sống nếp sống hội-thánh. Đức Chúa Trời không chỉ muốn chúng ta theo đuổi sự chiến thắng và thuộc linh cách riêng tư, mà Ngài muốn có một hội-thánh tập thể, vinh hiển trình diện cho chính Ngài.

Huấn Luyện Lớp Trẻ

Nếu Chúa trì hoãn việc trở lại, thì cần phải dấy lên một số người trẻ tuổi để tiếp tục chứng cứ và tiếp tục công tác cho các thế hệ sau. Nhiều đồng công đã cầu nguyện

cho vấn đề này với hi vọng có được một địa điểm thích hợp để huấn luyện lớp trẻ. Ý định của tôi không phải là lập ra một học viện hay trường Kinh Thánh, mà là [tạo môi trường] để lớp trẻ ở với nhau sống nếp sống Thân Thể và thực hành đời sống thuộc linh. Tại nơi ấy, họ sẽ được huấn luyện để được gây dựng, bằng cách học tập đọc Kinh Thánh, cầu nguyện và phát triển đức tính tốt. Về mặt tiêu cực, mục đích của sự huấn luyện còn là học tập cách xử lý tội lỗi, thế gian, xác thịt và sự sống thiên nhiên. Vào lúc thích hợp, những người trẻ sẽ trở lại các hội-thánh riêng của mình tại những nơi khác nhau để cùng hòa hợp với các thánh đồ khác phục vụ Chúa trong hội-thánh. Tôi đã mua hơn mười mẫu đất tại Chenru thuộc vùng ngoại ô của Thượng Hải. Kế hoạch xây dựng trên địa điểm ấy đang tiến triển, và không bao lâu những người trẻ có thể đến đó để được huấn luyện.

Trong tương lai, đại để gánh nặng và công tác của cá nhân tôi bao gồm bốn khía cạnh này. Nguyên toàn thể vinh quang qui về Chúa. Chúng ta không có chút gì trong chính mình, và mặc dầu đã thực hiện đôi điều, nhưng chúng ta thừa nhận mình là những đay tớ vô dụng và vô ích.

Watchman Nee, *Lời Chứng Của Watchman Nee*, tiếng Anh, chương 2

Sự Hiệp Nhất

Của HỘI THÁNH

- Phần 2

Sự Hiệp Nhất “Thuộc Linh”

Ngày nay có một loại hiệp nhất thứ hai mà chúng ta có thể tìm thấy trên khắp thế giới. Sự hiệp nhất ấy được gọi là sự hiệp nhất “thuộc linh”. Định nghĩa của sự hiệp nhất thuộc linh là gì, và sự hiệp nhất ấy bắt nguồn từ đâu?

Các Quốc Giáo

Công giáo Rô-ma nguyên là quốc giáo của Đế quốc Rô-ma. Từ ngữ *quốc giáo* có một định nghĩa rất thú vị: Đó là tôn giáo của một quốc gia. Quốc gia, vua chúa hay hoàng đế chỉ định tôn giáo ấy cho người dân của mình. Nói cách khác, một khi được sinh ra làm dân của một quốc gia, thì một người trở nên thành viên của tôn giáo thuộc quốc gia ấy. Nếu là công dân Rô-ma, thì người ấy tự động gia nhập tôn giáo của Rô-ma. Hoặc một người không có quốc tịch nào cho nên không là thành viên của tôn giáo thuộc quốc gia nào, hoặc người ấy sinh ra làm công dân của một quốc gia cho nên là thành viên của tôn giáo thuộc quốc gia ấy. Dầu muốn hay không,

người ấy vẫn phải tham gia tôn giáo ấy. Đây không phải là vấn đề người công dân được quyền quyết định, mà là vấn đề được hoàng đế quyết định. Nếu sống tùy thuộc vào quốc gia đó, thì người ấy phải tham gia tôn giáo của đất nước mình.

Sau khi Đế quốc Rô-ma nhận Công giáo Rô-ma làm quốc giáo, thì thành viên của Giáo hội Công giáo Rô-ma bằng với dân số của Đế quốc Rô-ma. Trước đó, thành viên của hội-thánh chỉ bằng với số người được tái sinh và chịu báp-têm nhờ ăn năn. Tuy nhiên, bây giờ người ta không cần tự mình gia nhập hội-thánh. Hễ được sinh ra tại Rô-ma và có cha là người Rô-ma, thì một người đủ điều kiện trở nên thành viên của tôn giáo Rô-ma. Người ấy không cần kinh nghiệm sự tái sinh. Cha tôi là người Hoa, và ông đã sinh ra tôi. Tôi không cần nhập quốc tịch Trung Quốc vì tôi sinh ra đã là người Trung Quốc. Đó là tình trạng trong Giáo hội Công giáo Rô-ma; một khi sinh ra là người Rô-ma, thì một người trở nên thành viên của Giáo hội Công giáo

Rô-ma. Một người được sinh ra bởi xác thịt bây giờ có thể trở nên “con cái” của Đức Chúa Trời. Điều này hoàn toàn thay đổi lời [Chúa] trong Giăng 1:12-13. Việc được sinh bởi Đức Chúa Trời hoặc tiếp nhận Chúa Giê-su trở nên không còn cần thiết nữa. Trái lại, tất cả những gì một người cần là được sinh bởi khí huyết, bởi ý muốn của xác thịt và bởi ý muốn của con người. Hễ là người Rô-ma thì một người trở nên thành viên của Giáo hội Công giáo Rô-ma. Giáo hội Công giáo Rô-ma là như vậy.

*Cải Chánh Giáo Nguyên Cũng Là
Một Quốc Giáo*

Vào thời kỳ đầu của phong trào Cải Chánh, Martin Luther chỉ muốn cải tổ Giáo hội Công giáo Rô-ma; ông không mong đợi hình thành một hội-thánh mới. Hội-thánh mới được hình thành không phải vì lý do tôn giáo, mà là vì lý do chính trị. Vì giáo hoàng Rô-ma cai trị toàn thế giới, nên ngay cả hoàng đế cũng phải sợ ông. Theo giáo hoàng, các hoàng đế cai trị thế xác con người, trong khi giáo hoàng cai trị hồn con người. Mặc dầu hoàng đế cai trị thế xác của giáo hoàng, nhưng giáo hoàng cai trị hồn của hoàng đế. Kaiser có thể là một vị hoàng đế vĩ đại, nhưng không thể làm gì chống lại giáo hoàng; giáo hoàng cai trị ông. Nếu giáo hoàng đóng cửa vương quốc thiên thượng, thì không ai có thể vào, ngay cả một vị vua. Trên thực tế, giáo hoàng cai trị toàn thế giới. Do đó, những vị vua của tất cả các

quốc gia đều rất sợ giáo hoàng. Họ là vua, nhưng có người cai trị họ. Họ là vua, nhưng có người ở trên họ làm vua của họ. Giáo hoàng là nhà cai trị tối thượng của toàn thế giới.

Khi Luther dấy lên cải tổ hội-thánh, các vị vua ấy nhận thấy họ có cách đoạn tuyệt với Rô-ma. Họ không muốn giáo hoàng cai trị hồn họ, mà muốn tự cai trị chính mình. Họ muốn có một hội-thánh khác, tức hội-thánh không bị giáo hoàng cai trị. Trong một số lãnh vực, những mạng lệnh họ ban ra có thể bị giáo hoàng sửa đổi. Giáo hoàng có thể đơn giản ban bố một mạng lệnh khác, và người ta không dám không tuân theo, vì không tuân theo giáo hoàng có nghĩa là hồn họ sẽ đi xuống hỏa ngục. Luther dấy lên và lợi dụng cơ hội này. Ông rao giảng về sự xưng công chính bởi đức tin, tức là ai cũng có quyền đến với Đức Chúa Trời. Có nhiều vị vua và hoàng thân chờ Luther tiến hành và họ sẵn sàng dùng quân lực ủng hộ ông. Tuy nhiên, giáo hoàng đã cố gắng dùng vũ lực dập tắt cuộc cải chánh. Để phản ứng lại, các vua chúa lợi dụng cơ hội đưa quân ra trận, và chiến cuộc thật khốc liệt. Về sau, không những có sự phân rẽ về giáo lý mà còn có sự phân rẽ với Giáo hội Công giáo Rô-ma. Kết quả dẫn đến là gì? Những người đi theo sự dạy dỗ của Luther trở thành một phần của Giáo hội Đức tại Đức Quốc, Giáo hội Hòa Lan tại Hòa Lan và Giáo hội Anh tại Anh Quốc. Ban đầu Đế quốc Rô-ma bao gồm toàn

thế giới. Đức, Hòa Lan và Anh là những vương quốc nhỏ thuộc đế quốc ấy. Bây giờ Đức Quốc có Giáo hội Luther, Hòa Lan có Giáo hội Cải Chánh Hòa Lan, và Anh Quốc có Giáo hội Anh Quốc. Đây cũng là những quốc giáo, nhưng có điều nhỏ hơn so với Giáo hội Rô-ma.

Người nào có cha mẹ người Anh cũng trở nên thành viên của Giáo hội Anh Quốc. Ngay giây phút chào đời, người ấy trở nên thành viên của Giáo hội Anh Quốc. Đây là lý do nằm sau việc báp-têm trẻ sơ sinh. Trẻ sơ sinh đăng ký gia nhập hội-thánh là cần thiết. Vì là người Anh, nên nó tự động là thành viên của Giáo hội Anh Quốc. Nó không cần tin [Chúa]. Đây chỉ là vấn đề đăng ký. Nếu đăng ký, thì nó là thành viên. Một người có thể được sinh ra là người Anh và đồng thời là Cơ-đốc-nhân. Về sau, khi các hội-thánh “tự nhân” dấy lên, các thành viên ấy phải lìa khỏi Giáo hội Anh Quốc. Thành viên của các hội-thánh tự nhân ấy bị gọi là “những người bất đồng ý kiến”, có nghĩa là họ bất đồng ý kiến với quốc giáo. Ban đầu họ ở trong quốc giáo, nhưng khi muốn ra khỏi thì trước hết họ phải lìa khỏi quốc giáo rồi mới gia nhập một hội-thánh khác. Nếu muốn gia nhập Hội-thánh Wesley, thì trước hết một người phải lìa khỏi Giáo hội Anh Quốc. Họ là những người bất đồng ý kiến; bằng không, họ đã không ra khỏi đó.

Thành Hình Giáo Lý Về Hội-Thánh Hữu Hình Và Hội-Thánh Vô Hình

Đến đây, một nan đề phát sinh. Vì cả Giáo hội Công giáo Rô-ma lẫn Giáo hội Cải Chánh đều là quốc giáo, nên tự nhiên họ chứa chấp nhiều người chưa được cứu. Một người không thể được cứu bằng sự sinh ra. Nếu một người có thể được cứu bằng sự sinh ra, thì chúng ta chỉ cần biến Cơ-đốc giáo thành ra quốc giáo của Trung Quốc và khi ấy tất cả những người Hoa đều là Cơ-đốc-nhân. Trở nên Cơ-đốc-nhân bằng sự tái sinh hóa ra không cần thiết. Tuy nhiên, không thể nào như vậy được. Được sinh ra là một điều, nhưng được sinh lại là một điều hoàn toàn khác. Hậu quả của cách thực hành ấy là tất cả các quốc giáo đều đẩy dấy những người chưa được cứu. Cảm tạ Đức Chúa Trời, có nhiều người được cứu. Tuy nhiên, dầu được giáo dục và lớn lên trong bối cảnh nào đi nữa, những người chưa được cứu vẫn chưa được cứu.

Như thế, có một nan đề: Giáo hội Anh Quốc có phải là hội-thánh không? Nếu là hội-thánh thì tại sao trong đó lại có thể có quá nhiều người chưa được cứu như vậy? Tình trạng này chắc chắn là rất kỳ lạ! Trong hội-thánh này có rất nhiều người chưa tin. Làm sao có thể như vậy được? Do đó, có một giáo lý về hội-thánh xuất hiện. Theo giáo lý ấy, có hai loại hội-thánh: *thấy được* và *không thấy được*, tức là *một hội-thánh hữu hình còn hội-thánh kia thì vô hình*. Theo giáo lý này,

hội-thánh đề cập trong Kinh Thánh được xem là không thấy được và thuộc linh, nhưng hội-thánh trên đất thì được xem là thấy được và có hình dạng. Trong hội-thánh hữu hình có thể có những Cơ-đốc-nhân giả mạo, nhưng trong hội-thánh thuộc linh thì mọi người đều chân thật. Anh em ơi, chúng ta phải biết rằng giáo lý nào cũng có một nguồn gốc. Giáo lý về hội-thánh thuộc linh, tức là giáo lý về hội-thánh hữu hình và hội-thánh vô hình, hình thành như chúng ta đã đề cập. Vì người ta đem vào rất nhiều tín đồ giả, nên tất nhiên hội-thánh hữu hình không đáng tín cậy. Vì toàn thể dân Anh đều sa vào lưới, nên có cả “cá tốt” lẫn “cá xấu”. Đó là điều sai trật. Kinh Thánh dạy rằng hội-thánh là Thân Thể của Đấng Christ và Đấng Christ là Đầu của hội-thánh; cho nên, chỉ những người tín đồ mới có thể là hội-thánh. Làm sao trong hội-thánh lại có thể có những người chưa tin? Vì trong hội-thánh có rất nhiều người chưa tin, nên người ta không thể làm gì khác hơn là tạo ra giáo lý về hai loại hội-thánh, hội-thánh hữu hình thì không đáng tin cậy còn hội-thánh vô hình mới là thật. Việc tạo ra giáo lý này là điều không thể tránh được. Họ biện minh cho sự tồn tại của mình là điều thiết yếu; bằng không, họ không thể nào tiến lên. Anh em ơi, anh em có thấy vấn đề không? Tạo ra loại giáo lý này là cần thiết. Hội-thánh hữu hình trở nên quá lơ lửng; điều gì cũng có thể tìm thấy trong đó. Do đó, người ta buộc phải tạo ra một giáo lý như vậy.

Những người bên vực giáo lý này trích dẫn phân đoạn Kinh Thánh chép rằng Sa-tan gieo cỏ lùng vào sau khi Chúa gieo hạt giống. Phân đoạn ấy nói chúng ta không nên nhổ cỏ lùng, mà “hãy để cho cả hai thứ cùng lớn lên” (Math. 13:24, 30). Những người ấy nói rằng hội-thánh vô hình và thuộc linh bao gồm những người được sinh lại, và giữa vòng họ không có người nào là giả. Nhưng trong hội-thánh hữu hình có cỏ lùng mà chúng ta không nên nhổ đi. Nhiều anh chị em đọc phân đoạn Kinh Thánh này nghĩ rằng cách giải thích ấy đúng, và giữa hội-thánh hữu hình và hội-thánh vô hình có sự khác biệt. Họ không nhận biết rằng sự gian ác ấy không bao giờ có thể được che đậy bởi giáo lý về hội-thánh hữu hình và hội-thánh vô hình. Những người ấy làm cho hội-thánh trở nên quá bao hàm. Chúa Giê-su nói về việc lúa mì và cỏ lùng cùng mọc lên trong thế gian (Math. 13:38), chứ không phải trong hội-thánh! Vì hội-thánh được mở rộng ra bằng với thế gian, nên tự nhiên cỏ lùng cũng được bao gồm trong hội-thánh. Do đó, cách duy nhất giải thích về hội-thánh là có hai loại hội-thánh: hội-thánh hữu hình và hội-thánh vô hình. Sự thật là những người ấy thừa nhận Anh Quốc Giáo quá rộng lớn. Nhưng có một hội-thánh khác, tức hội-thánh trong Kinh Thánh, chỉ bao gồm những người thuộc linh và được tái sinh.

Tình trạng của các hội-thánh

trên đất trong Khải-thị chương 2 và 3 như thế nào? Các hội-thánh ấy là bảy chân đèn bằng vàng. Chân đèn bằng vàng là gì? Đó là chỗ ánh sáng chiếu ra. Khi ở trên đất, Chúa Giê-su nói: “Sự sáng các ngươi hãy soi trước mặt người ta”. Nếu ánh sáng chiếu ra mà người ta không thể thấy được thì có ích lợi gì? (Math. 5:16). Tối nay, chúng ta có thể ở đây vì có ánh sáng thấy được. Nếu không thấy ánh sáng thì chúng ta làm được gì? Ánh sáng mà không thấy được là một trò cười, một trò cười lớn. Làm sao lại có ánh sáng vô hình? Hơn nữa, nếu có thể thấy ánh sáng thì ánh sáng phải hữu hình; ánh sáng không thể vô hình. Ánh sáng mà vô hình là một sự giả dối. Hội-thánh trên đất phải được người ta nhìn thấy. Kinh Thánh không có ý niệm gì về việc hội-thánh là ánh sáng vô hình. Tuy nhiên, ngày nay người ta không nói hội-thánh bị đặt dưới cái dấu, mà nói hội-thánh là chân đèn chiếu ra ánh sáng không thấy được! Lời Chúa Giê-su nói với chúng ta đã đủ rõ ràng. Ngài nói: “Các ngươi là sự sáng của thế gian. Thành phố nào lập trên núi thì không thể khuất được” (Math. 5:14). Đây là điều hữu hình, chứ không phải vô hình. Chúa muốn chúng ta được bày tỏ trên đất và được những người khác nhìn thấy.

Vậy, chúng ta phải thấy rằng điều người ta gọi là hội-thánh hữu hình thật ra là thế gian. Vì một số người nhất định gọi đó là hội-thánh, nên họ giải thích rằng có một hội-thánh khác ở trong hội-thánh

bên ngoài ấy. Tuy nhiên, hội-thánh đề cập trong Lời của Đức Chúa Trời là hội-thánh ra từ thế gian và được phân rẽ với thế gian. Nếu là vậy thì chúng ta chỉ có thể thừa nhận sự hiện hữu của hội-thánh thuộc linh, chứ không thừa nhận hội-thánh bề ngoài.

Nạn đề ngày nay là nhiều anh chị em nghĩ rằng sự hiệp nhất giữa vòng các Cơ-đốc-nhân là sự hiệp nhất “thuộc linh”. Theo sự hiệp nhất “thuộc linh” ấy, trong hội-thánh có một số người thuộc linh và một số người không thuộc linh. Vậy nên, hội-thánh nào cũng có khía cạnh bề ngoài và khía cạnh thuộc linh. Với sự hiệp nhất thuộc linh, một nhóm anh em thuộc linh có sự tương giao với một nhóm anh em thuộc linh khác, và tất cả những người ấy có thể hiệp một với nhau. Tôi muốn nêu rõ rằng lý do cần loại hiệp nhất thuộc linh này là vì một số người còn thuộc thế gian. Nếu ai cũng được sinh bởi lời Đức Chúa Trời, thì vấn đề hiệp nhất thuộc linh đã không cần nêu lên.

Vấn đề này rất quan trọng vì chạm đến một nan đề căn bản. Nếu anh em hỏi một người rằng trong giáo phái của người ấy có bao nhiêu người chưa được cứu, có lẽ người ấy sẽ trả lời là có khoảng phân nửa. Một số giáo phái có thể tuyên bố rằng nếu trong mười người mà có một người được cứu thì họ đã rất vui mừng. Các giáo phái ấy không khác với quốc giáo bao nhiêu. Họ giống như củ hành có

nhiều lớp vỏ người ta có thể bóc ra. Họ có ý nói rằng chín lớp vỏ bên ngoài không có nghĩa gì cả, chỉ phần cốt lõi mới quan trọng. Chắc chắn, nguyên tắc của các giáo phái vẫn là nguyên tắc của hội-thánh quốc gia vì nhiều người giữa vòng họ không thuộc về Chúa. Do đó, vì hoàn cảnh bất buộc, sự tương giao của họ phải được giới hạn trong vòng những người thuộc linh, chứ không cho toàn thể hội-thánh. Nếu toàn thể hội-thánh tương giao với nhau, thì nhiều người vô tín sẽ được tham dự. Muốn có sự tương giao thuộc linh thì không thể bao gồm toàn thể hội-thánh. Nhưng Kinh Thánh bao gồm toàn thể hội-thánh trong ranh giới của sự tương giao. Vì tình trạng của hội-thánh thật u ám còn ranh giới của hội-thánh thì không rõ ràng, nên người ta cần đến sự tương giao “thuộc linh”.

Ngày nay, nhiều loại hội-thánh kỳ quặc hiện hữu trên thế giới, vì nhiều người không phải là Cơ-đốc-nhân được đem vào hội-thánh. Vì nhiều người vô tín và Cơ-đốc-nhân giả ở trong “hội-thánh”, nên những Cơ-đốc-nhân trong các hội-thánh ấy phải duy trì sự tương giao vô hình; toàn bộ sự tương giao của họ đều không thấy được. Họ nói rằng họ có sự tương giao từ tấm lòng, lòng của họ liên hiệp với nhau. Tôi xin nói như sau: Ngay như câu có loại tương giao như vậy đã là một sai lầm. Chúng ta phải hiểu và nhìn thấu vấn đề này. Nhu cầu về sự hiệp nhất “thuộc linh” hiện hữu vì vị trí sai

trật. Nếu đứng trên vị trí đúng đắn, thì chúng ta đã là một rồi. Nếu hội-thánh đúng đắn, thì điều không thấy được sẽ trở nên thấy được, và người ta không cần đến sự tương giao thuộc linh. Chúa nói hội-thánh là chân đèn, nhưng họ nói ánh sáng mà chân đèn chiếu ra chỉ là ánh sáng vô hình. Điều này thật kỳ lạ. Loại tương giao thuộc linh này và loại hiệp nhất thuộc linh này phát sinh do tình trạng lẫn lộn những người vô tín trong hội-thánh.

Sân Sinh Nhiều Giáo Phái

Quan điểm này tạo ra hai nan đề: chúng ta vừa thấy nan đề từ quan điểm của hội-thánh quốc gia; bây giờ chúng ta phải nhìn nan đề từ quan điểm của những người bất đồng ý kiến, mà nhiều người trong vòng họ không chấp nhận hội-thánh quốc gia. Họ không những không chấp nhận, mà còn đứng lên chống lại những sai lầm của hội-thánh quốc gia. Đó là Hội-thánh Báp-tít, Hội-thánh Trưởng Lão và Hội-thánh Wesley. Những người Wesley nghĩ rằng rao giảng ở đâu cũng được. Là những người bất đồng ý kiến, họ dấy lên hình thành những hội-thánh để duy trì lẽ thật mà dựa trên đó họ bất đồng ý kiến. Do đó, Hội-thánh Báp-tít, Hội-thánh Trưởng Lão, Hội-thánh Wesley, Hội-thánh Quaker và về sau hàng ngàn nhóm khác xuất hiện. Tại Anh Quốc, họ bị gọi là những người bất đồng ý kiến. Trong Đế quốc Nga, hội-thánh quốc gia được gọi là

Giáo hội Chính thống Nga, và các hội-thánh khác bị gọi là bè phái. Tất cả các anh em ấy dấy lên vì lẽ thật. Đó là điều tốt! Chúng ta cảm tạ Chúa về điều đó. Tuy nhiên, đáng tiếc là họ cố gắng duy trì lẽ thật của Đức Chúa Trời bằng cách lập lên những hội-thánh mới, do đó làm cho hội-thánh của Đức Chúa Trời chia rẽ thành hàng ngàn mảnh.

Về sau, tình cảnh dần dần thay đổi. Khi họ mới hình thành, hai bên tranh luận rất nhiều. Chẳng hạn, Wesley từng tranh luận kịch liệt với Anh Quốc Giáo. Tuy nhiên, vào thế hệ thứ ba và thứ tư, sự tranh luận giảm bớt, và hai bên không còn khác biệt bao nhiêu. Trước kia, họ không chào hỏi và nói chuyện với nhau, nhưng ngày nay họ thậm chí cầu nguyện với nhau. Ví dụ, Hội-thánh Cơ-đốc Liên Hiệp, nguyên ở trong Hội-thánh Wesley, từng đòi hỏi những người Wesley phải chấp nhận giáo lý về sự chữa trị thần thương. Họ tranh luận rất kịch liệt về vấn đề này đến nỗi sau đó họ tách riêng. Bây giờ, vào thế hệ thứ ba, họ không còn tranh luận nữa. Ban đầu, những sự khác biệt thật lớn, nhưng bây giờ thì không khác nhau nhiều nữa. Tuy nhiên, một số người trong Hội-thánh Cơ-đốc Liên Hiệp tin nơi sự tuôn đổ Thánh Linh và sự nói các thứ tiếng [lạ]. Vì thế, họ tách rời để thiết lập Hội-thánh Ngũ Tuần. Mới đầu, giữa vòng họ có những cuộc tranh luận kịch liệt, nhưng bây giờ thì không còn vấn đề gì nữa.

Ngày nay, tất cả các hội-thánh

nói trên đã được hình thành. Một số người thành lập Hội-thánh Báp-tít vì sự báp-têm, một số người tạo ra Hội-thánh Giám Lý vì Wesley, và một số người tạo ra Hội-thánh CMA (Christian and Missionary Alliance) vì Simpson. Tuy nhiên, theo Kinh Thánh, không hội-thánh nào được hình thành dựa trên một giáo lý nhất định nào đó. Trong Kinh Thánh không có trường hợp nào trong đó một giáo lý đặc biệt biện hộ cho việc thiết lập hội-thánh. Theo sứ đồ Phao-lô, các giáo lý mà người ta tranh luận kịch liệt nhất không phải là nan đề chính yếu. Trong Rô-ma chương 14, Phao-lô nói rằng trường hợp người này giữ ngày này trong khi người kia giữ ngày nọ thì không sao. Một số người có thể coi trọng ngày này, trong khi những người khác có thể coi trọng ngày nọ, và những người khác nữa có thể coi trọng cả hai ngày (cc. 5-6). Những người ấy còn yếu trong đức tin. Nhưng họ không nên để bị chia rẽ bởi các giáo lý. Một số người không ăn thịt vì yếu trong đức tin, nhưng họ cảm thấy ăn rau cải thì không sao (c. 2). Phao-lô không thành lập một hội-thánh ăn chay, cũng không thành lập một hội-thánh ăn thịt. Một số người ăn chay, và một số người ăn thịt. Phao-lô nói không điều nào trong những điều ấy được gây ra nan đề; chúng ta phải tiếp nhận những người mà Chúa tiếp nhận vì Đức Chúa Trời đã tiếp nhận họ (Rô 14:3). Nếu ăn chay, người ấy là một anh em; nếu ăn thịt, người ấy vẫn là một anh em. Nếu giữ ngày này,

người ấy là một anh em; nếu giữ ngày nọ, người ấy vẫn là một anh em. Trong Kinh Thánh không có trường hợp nào cho thấy việc thành lập hội-thánh là theo giáo lý.

Theo Kinh Thánh, hội-thánh được thành lập như thế nào? Đòi hỏi duy nhất ở trong Rô-ma chương 14: “Anh em hãy tiếp nhận... vì Đức Chúa Trời đã tiếp nhận người” (cc. 1, 3). Chúng ta phải tiếp nhận người nào Đức Chúa Trời tiếp nhận. Chúng ta tiếp nhận một người vì Đức Chúa Trời đã tiếp nhận người ấy. Người ấy có sự sống của Đức Chúa Trời. Trước kia người ấy là tội nhân, nhưng bây giờ người ấy đã đến với Chúa. Câu hỏi duy nhất chúng ta cần nêu là người ấy đã tiếp nhận Chúa chưa. Nếu người ấy đã tiếp nhận Chúa, thì nói gì thêm cũng không cần thiết. Đối với cách cư xử của người ấy với tư cách là Cơ-đốc-nhân, chúng ta cần phải giúp đỡ người ấy bằng những sự dạy dỗ của Kinh Thánh, nhưng không thể khước từ và đẩy người ấy ra khỏi hội-thánh. Một số người tin nơi báp-têm bằng cách rảy nước; họ tốt hơn những người không báp-têm gì cả. Cứu Thế Quân (Salvation Army) không rảy nước, và các tín đồ phái Quaker cũng vậy. Một số người báp-têm bằng cách thoa vài giọt nước; những người khác thì báp-têm bằng cách chìm mình. Phi-líp và viên hoạn quan đã bước xuống nước (Công 8:38), và Chúa Giê-su đã ra khỏi nước (Math. 3:16). Bước xuống và đi lên chần hẩn có nghĩa là báp-têm bằng cách chìm mình. Tuy

nhiên, một số người chỉ ngâm bàn tay dưới nước, chứ không chìm thân thể họ. Theo Kinh Thánh, chúng ta phải được chìm mình. Ngày nay, một số người báp-têm bằng cách thoa nước. Chúng ta không nên nói với họ rằng họ thuộc về hội-thánh “thoa nước”. Chúng ta không thể thiết lập hội-thánh theo giáo lý. Dầu được báp-têm bằng cách chìm mình hay thoa nước, chúng ta chỉ có thể hỏi họ rằng các anh em ấy đã được Đức Chúa Trời tiếp nhận chưa? Các anh em ấy đã được cứu chưa? Nếu đã được cứu, thì dầu họ có được thoa nước hay không, họ sẽ đứng trước mặt Đức Chúa Trời. Làm sao chúng ta lại không thể tiếp nhận họ? Nếu chúng ta sẽ ở với họ trong cõi đời đời, vậy thì làm sao ngày nay chúng ta lại không thể tiếp nhận họ? Làm sao mỗi người chúng ta có thể đi đường riêng của mình vì không thể chấp nhận những thiếu hụt của người khác? Chúng ta không được như vậy! Kinh Thánh cho thấy hội-thánh bao gồm tất cả những người đã được Chúa tiếp nhận.

Hơn nữa, trong Rô-ma chương 14, Phao-lô nói: “Anh em hãy tiếp nhận kẻ yếu đức tin”, chứ đừng khước từ họ. Chúng ta thừa nhận anh em kia yếu đuối, nhưng chúng ta không được khước từ, mà phải tiếp nhận anh ấy. Chúng ta thường nghĩ cách sai lầm rằng người ấy chỉ có thể theo chúng ta trong trường hợp người ấy có đức tin mạnh như đức tin của chúng ta. Thay vào đó, chúng ta cần thấy rằng chúng ta phải tiếp nhận những người

yếu đức tin. Nếu khước từ họ, thì cùng lắm chúng ta chỉ có thể ngăn họ vào hội-thánh vài chục năm. Chúng ta không ngăn cản họ mãi được. Chúng ta không cách nào khai trừ họ; họ mãi mãi là anh em của chúng ta. Chúng ta phải nhận thấy rằng chia rẽ hội-thánh theo giáo lý sẽ không có công hiệu. Giả sử có một anh em trong hội-thánh tại Sian là người ăn chay. Chúng ta phải nói làm sao? Chúng ta chỉ có thể nêu lên một câu hỏi: Người ấy đã được cứu chưa? Nếu người ấy đã được cứu và tiếp tục ăn chay, thì chúng ta phải để người ấy làm như vậy. Nói cách khác, người ấy đã nhận được cùng một sự sống; vì vậy, dấu sớ thích của người ấy như thế nào, chúng ta vẫn phải tiếp nhận người ấy. Chúng ta phải dùng những lời dạy dỗ của Kinh Thánh giúp đỡ những người yếu đức tin, chứ đừng phân rẽ với họ bằng cách thiết lập một hội-thánh khác.

Ngày nay, cái gọi là giáo phái được hình thành là do sự chia rẽ vì các giáo lý. Người ta rút ra một giáo lý nào đó từ Kinh Thánh, giảng dạy giáo lý ấy, và hình thành giáo phái theo giáo lý ấy. Hậu quả là xuất hiện Hội-thánh Ngũ tuần, Hội-thánh Luther, phái Quaker, v.v... Người theo phái Quaker nhấn mạnh đến cử chỉ, người theo Luther nhấn mạnh đến giáo lý, người trong Hội-thánh Trưởng lão nhấn mạnh đến tổ chức, và người trong các giáo đoàn nhấn mạnh đến giáo đoàn độc lập. Đó không phải là việc làm của Chúa,

mà là hậu quả của ý kiến con người là điều đã chia rẽ con cái Đức Chúa Trời thành ra rất nhiều giáo phái.

Nhiều người nghĩ có các giáo phái là điều tốt vì thuận tiện. Anh em ơi! Nếu anh em hỏi tôi rằng theo xác thịt, tôi có thích các giáo phái không, thì tôi sẽ đáp rằng: “Vâng, tôi thích các giáo phái, vì cái gì cũng rõ ràng. Những người thích nói các thứ tiếng [lạ] có thể đến Hội-thánh nói các thứ tiếng [lạ], những người thích giáo đoàn độc lập có thể đến Hội-thánh Giáo đoàn, và người không thích rầy nước có thể đến Cứu Thế Quân”. Nhưng Kinh Thánh dạy rằng trong mỗi địa phương chỉ được có một hội-thánh. Tại Cô-rin-tô chỉ có một hội-thánh, tại Ê-phê-sô chỉ có một hội-thánh, và tại Thượng Hải chỉ được có một hội-thánh. Phương cách này không thuận tiện vì người nào cũng phải yêu thương tất cả các anh em! Yêu thương các anh em không giống như chúng ta sẽ gây ra nhiều xích mích và đem đến nhiều bài học. Anh có những đề nghị của anh, và tôi có những đề nghị của tôi; anh có ý kiến của anh, và tôi có ý kiến của tôi. Anh có hội-thánh của anh và tôi có hội-thánh của tôi là điều rất thuận tiện. Tình cảnh của chúng ta ngày nay không mấy thuận tiện; cùng chung ở trong một hội-thánh có nghĩa là chúng ta phải yêu thương nhau. Nhiều khó khăn đi kèm với nhiều bài học, nhưng càng có nhiều khó khăn thì chúng ta càng cần yêu thương nhau. Mặc dầu không vui,

nhưng chúng ta vẫn không thể chạy trốn. Dù có thích hay không, chúng ta vẫn là anh em của nhau. Chúng ta phải đắc thắng điều thuộc xác thịt bởi điều thuộc linh, chinh phục tất cả những sự khác biệt bằng tình yêu, và bao phủ tất cả những khó khăn bằng ân điển. Bằng không, hội-thánh không thể thành công.

Bắt Tay Qua Hàng Rào Không Phải Là Sự Hiệp Nhất

Nếu ngày nay người ta đã lập các giáo phái rồi, chúng ta nên làm gì? Chúng ta đã làm chứng rằng con cái Đức Chúa Trời mà có các giáo phái và sự chia rẽ là không tốt. Con cái Đức Chúa Trời không được gây ra những sự chia rẽ; trái lại, con cái Đức Chúa Trời phải yêu thương nhau và sum họp với nhau. Chúng ta đã và đang nói về vấn đề này suốt ba mươi năm kể từ năm 1921. Lời này có công hiệu không? Công hiệu chứ. Mặc dầu từ đầu chúng ta đã gặp nhiều chống đối và ngày nay cũng vậy, nhưng sự chống đối càng ngày càng yếu hơn. Ban đầu họ cố gắng bênh vực các giáo phái. Ngày nay, họ trở nên yếu hơn nhiều. Bây giờ họ nghĩ ra một cách khác và nói rằng: “Chúng tôi muốn có sự tương giao thuộc linh”. Như chúng ta đã thấy, sự tương giao thuộc linh ấy là kết quả của hai nhân tố. Nhân tố thứ nhất là quốc giáo, trong đó hội-thánh nhỏ được tìm thấy trong hội-thánh lớn, hội-thánh thật được tìm thấy trong hội-thánh giả, hội-thánh của thực tại được tìm thấy trong hội-thánh

của bề ngoài. Nhân tố thứ nhì là sự chia rẽ gây ra do sự khác biệt về giáo lý. Bây giờ, một số người tìm kiếm con đường ở giữa là có sự tương giao “thuộc linh” với nhau. Chúng ta hãy xét xem sự tương giao “thuộc linh” này đúng hay sai.

Tương giao “thuộc linh” chắc chắn là sự cải tiến tình trạng không có sự tương giao giữa vòng các giáo phái. Cảm tạ Đức Chúa Trời! Tình trạng tại Trung Quốc trải qua nhiều năm tháng chắc chắn đã thay đổi, nhưng sự tương giao “thuộc linh” có thể thay thế sự tương giao của hội-thánh như được ấn định trong Kinh Thánh không? Điều họ gọi là sự tương giao “thuộc linh” không phải là sự tương giao thật; họ chỉ vay mượn từ ngữ này. Chẳng hạn, tại đây chúng ta có vài cái chén. Mục đích của Đức Chúa Trời là tất cả chúng ta phải kết hiệp với nhau thành một chén, nhưng họ đã phạm sai lầm là chia rẽ chính mình thành ra nhiều chén. Sự tương giao “thuộc linh” có mục đích là làm mạnh mẽ sự tương giao trong các giáo phái. Trong chủ nghĩa giáo phái, tôi có chén của tôi, anh có chén của anh, và người khác có chén của người ấy. Sự tương giao “thuộc linh” là bắt tay nhau ở trên những cái chén của chúng ta “qua hàng rào”. Phân rẽ bằng hàng rào là chủ nghĩa giáo phái. Bắt tay qua hàng rào là sự tương giao “thuộc linh”. Đây vẫn là chủ nghĩa bè phái mặc dầu mong muốn có sự tương giao. Tuy nhiên, nếu không bắt tay qua hàng rào, thì chúng ta là bè phái

và giáo phái. Thế nhưng, theo lời dạy dỗ của Kinh Thánh thì không được có các bè phái, cũng như giáo phái. Nhưng ngày nay có những anh em muốn giữ lại các giáo phái, mặc dầu lương tâm của họ cắn rứt vì không có sự tương giao. Do đó, họ đưa tay qua hàng rào để bắt tay với bên kia. Ngày nay, đó là giáo lý của cái gọi là sự tương giao “thuộc linh”.

Về vấn đề này, tôi cảm thấy rất nặng lòng. Anh em ơi, tôi xin nói lời này: Nếu các giáo phái phù hợp với Kinh Thánh, thì chúng ta phải trả bất cứ giá nào để duy trì các giáo phái. Nếu đó là mạng lệnh của Đức Chúa Trời, thì ai có thể vô hiệu hóa điều đó? Chúng ta phải học tập bước theo Đức Chúa Trời, chứ đừng bước theo con người. Tuy nhiên, nếu các giáo phái sai trật, thì chúng ta phải nhổ bỏ tận gốc. Chúng ta không thể vừa thừa nhận các giáo phái là sai trật, vừa khích lệ các giáo phái. Chúng ta không thể vừa nói các giáo phái không có chỗ đứng, vừa duy trì các giáo phái. Vì các giáo phái không có chỗ đứng, nên chúng ta phải phá đổ và hủy bỏ các giáo phái. Chúng ta không thể vừa khao khát sự tương giao, vừa tương giao qua hàng rào. Nếu thực sự khao khát sự tương giao, chúng ta phải phá đổ hàng rào và tương giao. Nếu muốn phục vụ Đức Chúa Trời và cảm thấy tất cả con cái Đức Chúa Trời cần phải có sự tương giao, thì chúng ta phải phá đổ tất cả các hàng rào để có sự tương giao. Nếu hàng rào là đúng đắn, thì chúng ta phải dựng hàng rào lên,

không chỉ cao một mét, mà phải cao một ngàn mét. Chúng ta phải hết lòng và tuyệt đối trước mặt Đức Chúa Trời. Nếu các giáo phái là đúng đắn, thì chúng ta phải nỗ lực gấp ngàn lần. Làm như vậy là chính đáng. Nếu các giáo phái là sai trật, thì phá đổ chúng là điều chính đáng. Nếu chúng ta cảm thấy các giáo phái là sai trật, nhưng muốn giữ lại hàng rào và bắt tay qua hàng rào, thì việc làm ấy không phải là nguyên tắc để phục vụ Đức Chúa Trời. Nguyên tắc căn bản để chúng ta phục vụ Đức Chúa Trời là nếu cảm thấy các giáo phái là đúng thì chúng ta phải ủng hộ các giáo phái; nếu cảm thấy các giáo phái là sai thì chúng ta phải phá đổ các giáo phái. Nếu một mặt muốn ủng hộ các giáo phái và mặt khác muốn cố gắng phá đổ các giáo phái, thì chúng ta hi vọng hoàn thành được gì?

Anh em phải tiến đến chỗ cho người khác thấy rằng hành động của họ không phù hợp với ý muốn của Đức Chúa Trời. Hãy nói cho chính anh em. Nếu cảm thấy giáo phái là đúng, thì anh em cần phải giúp đỡ giáo phái. Nếu anh em cảm thấy giáo phái là sai, thì xin phá đổ chúng. Đừng chỉ hạ hàng rào xuống thấp, mà phải hoàn toàn phá đổ hàng rào. Nếu giáo phái là đúng, thì anh em phải xây dựng hàng rào cao hơn để không ai có thể vượt qua được, và mọi người đều được chia rẽ cách rõ ràng. Vấn đề này phải có tính cách triệt để và tuyệt đối. Một mặt giữ lại giáo phái và mặt khác cảm thấy

giáo phái sai trật mà vẫn cố gắng sửa chữa giáo phái, thì đó hoàn toàn không phải là đường lối của Đức Chúa Trời. Anh em biết Đức Chúa Trời; anh em đã đọc Kinh Thánh — anh em có bao giờ thấy Đức Chúa Trời muốn con người sửa chữa điều gì chưa? Đó chính là điều mà những người thiếu can đảm đáp ứng những đòi hỏi của Đức Chúa Trời và nghe theo Lời Ngài đã làm. Họ trả phân nửa giá hay ít hơn phân nửa giá; họ tìm cách mặc cả. Họ đưa tay ra để tương giao trong khi giữ lại hàng rào chia rẽ. Tôi muốn anh em thấy rõ vấn đề này. Nguyên tắc căn bản trong cách cư xử Cơ-đốc là chúng ta phải theo đuổi mọi vấn đề cách thấu suốt và hoàn toàn. Khi ấy, chúng ta có thể giải quyết nan đề.

Để hiểu rõ hơn, tôi sẽ đưa ra một hình ảnh minh họa. Kinh Thánh cho thấy rằng Đức Chúa Trời chấp nhận của lễ của A-bên, chứ không chấp nhận của lễ của Ca-in (Sáng 4:2-7). Ca-in vốn là một nông phu và cày bừa đất đai. Đó là công việc cha ông đã làm khi còn ở trong vườn Ê-đen. Khi cày bừa đất đai trong vườn Ê-đen, cha ông đã đem sản phẩm của đất dâng lên Đức Chúa Trời. Mặc dầu vì cố tội lỗi Ca-in sống ngoài vườn Ê-đen, nhưng ông vẫn cày bừa đất đai như trước. Ông gặt hái sản vật từ đất như trước, và dâng sản vật ấy lên cho Đức Chúa Trời như trước. Không những Đức Chúa Trời không chịu chấp nhận ông, mà Ngài còn không hài lòng với ông. Có người hỏi: “Tại sao vậy?” Điều này rất đơn giản và

chỉ có một ý nghĩa: Đối với Đức Chúa Trời những gì con người làm trước khi phạm tội thì có thể chấp nhận được, nhưng trước mặt Đức Chúa Trời không có gì tệ hại hơn là con người làm cùng một việc ấy sau khi đã phạm tội. Giả sử, mỗi tối vào lúc tám giờ, một đứa bé muốn mẹ cho nó ăn bánh trước khi đi ngủ. Nhưng một bữa kia, nó phá phách đến nỗi mẹ nó phải xin lỗi người ta và trả tiền bồi thường. Tình huống sẽ như thế nào nếu nó xin mẹ cho nó ăn bánh như thường lệ như thể không có chuyện gì xảy ra? Anh em thấy thế nào? Nếu đứa bé ấy khóc lóc và đau buồn về hành động của mình, thì có thể anh em không thấy khó chịu mấy. Nhưng nếu nó hành động như thể không có chuyện gì xảy ra, thì anh em sẽ thấy rất khó chịu. Nếu nó không thấy áy náy sau khi phạm lỗi, thì khi lớn lên, nó có thể giết người mà không thấy áy náy. Ca-in cũng giống y như vậy. Ông tiếp tục làm những gì ông đã làm trước khi phạm tội. Ông tiếp tục dâng lễ vật cho Đức Chúa Trời như thể không có chuyện gì xảy ra. Ông xem việc phạm tội là một vấn đề nhỏ nhặt; ông không nghĩ phạm tội là nghiêm trọng. A-bên được chấp nhận vì ông thừa nhận mình ở ngoài vườn Ê-đen. Cửa lễ của ông nhìn nhận rằng ông đã phạm tội và hoàn cảnh hiện tại của ông khác với hoàn cảnh trước kia.

Chúng ta sợ những người thiếu nghiêm túc như Ca-in; loại người như vậy không thể phục vụ Đức Chúa Trời. Đó là một nguyên tắc

căn bản. Họ nói: “Chúng tôi ở trong giáo phái. Giáo phái không phải do chúng tôi thành lập, mà do tổ tiên chúng tôi tạo ra. Chúng tôi gánh vác một số trách nhiệm trong giáo phái. Chúng tôi không thể nói rằng: ‘Được lắm! Ngày mai chúng ta hãy hiệp lại’. Không thể làm như vậy được. Còn giáo phái của chúng tôi thì sao?” Đức Chúa Trời muốn hội-thánh được hiệp một, nhưng các giáo phái chia rẽ hội-thánh! Khi một người bắt đầu nhận thấy chia rẽ như vậy là sai trật, thì người ấy phải thừa nhận tình trạng đó là sai trật trước mặt Đức Chúa Trời; người ấy phải phá đổ giáo phái. Người ấy cần phải nói rằng: “Lạy Đức Chúa Trời, mặc dầu giáo phái này không phải do con thành lập mà do tổ tiên con tạo ra, nhưng hề có phần trong giáo phái này thì con đã có tội. Đây không chỉ là vấn đề cá nhân, mà là vấn đề liên quan đến toàn thể hội-thánh của Đức Chúa Trời. Đây là tội lỗi. Hôm nay con xin Ngài phá đổ nó; hôm nay con muốn tuyên bố rằng có sự sai trật trong giáo phái”. Làm như vậy là cách hành động đúng đắn. Giả sử, tôi thành lập một giáo phái rồi về sau nhận thấy có điều gì đó sai trật nên cố gắng cải thiện hoàn cảnh mà nói rằng: “Chúng ta hãy thiết lập mối tương giao với nhau”. Tôi sợ cách cư xử hời hợt và thiếu nghiêm túc như vậy. Đó là cách cư xử của Ca-in, không kết án tội sau khi đã phạm tội mà thay vào đó cố gắng cải thiện hoàn cảnh. Làm như vậy không phải là cách của Cơ-đốc-nhân. Anh em ơi,

anh em đã sáng tỏ chưa? Đừng nghĩ rằng sau khi phạm tội thì không cần kết án tội mà chỉ cần cố gắng cải thiện hoàn cảnh. Làm như vậy không bao giờ bày tỏ sự sống của Đức Chúa Trời được!

Ví dụ, tôi đã làm tổn thương một anh em do nói nhiều điều sau lưng anh em ấy. Vậy tôi phải làm gì khi được ánh sáng của Đức Chúa Trời khiển trách? Trước hết tôi phải đến với anh em ấy và thú nhận tội lỗi của mình rằng: “Anh ơi, tôi có lỗi với anh vì đã nói xấu anh sau lưng anh. Xin anh chấp nhận lời xin lỗi của tôi”. Khi ấy, tình trạng của tôi mới đúng đắn để bày tỏ tình yêu thương đối với anh em ấy vào ngày hôm sau. Anh em thấy thế nào nếu một người có lỗi với anh em, lấy trộm đồ đạc của anh em, nói xấu anh em, và sau đó hành động như thể không có chuyện gì xảy ra? Người ấy tuyệt nhiên không thừa nhận tội lỗi của mình, nhưng quay lại đối xử tốt với anh em và tặng quà anh em. Anh em cảm thấy thế nào về người ấy? Cơ-đốc-nhân chúng ta có cách hành xử riêng của mình. Nếu đã làm gì sai trật mà chưa thừa nhận lỗi lầm của mình, thì chúng ta không thể thay đổi một chút gì. Hành động như vậy là không đúng đắn. Trước mặt Đức Chúa Trời, đó không phải là cách giải quyết nan đề. Người ấy nên đến với anh em và thú nhận rằng: “Anh ơi, tôi đã sai trật. Tôi nợ anh tiền và nhiều thứ khác nữa”. Trước hết người ấy phải thừa nhận tội lỗi của mình rồi mới có thể bày tỏ

lòng yêu thương. Ấy là nguyên tắc nhờ đó một Cơ-đốc-nhân có thể được phục hồi.

Tại đây, nguyên tắc cũng y như vậy. Ngày nay, vấn đề không chỉ là giáo phái đúng hay sai. Vấn đề là nếu cảm thấy giáo phái là đúng thì chúng ta phải ủng hộ giáo phái, nhưng nếu cảm thấy giáo phái là sai thì chúng ta phải phá đổ giáo phái. Chúng ta không nên bắt tay qua hàng rào. Nếu cho rằng duy trì hàng rào là điều đúng đắn, thì chúng ta phải xây dựng hàng rào cao hơn nữa. Nếu cảm thấy có hàng rào là sai trật, thì chúng ta phải phá đổ nó. Chúng ta không nên có sự tương giao “thuộc linh”. Điều mà người ta gọi là sự tương giao “thuộc linh” có nghĩa là sự tương giao không triệt để đúng mức. Tuy giáo phái là sai trật, nhưng một số người không nỡ từ bỏ nó; họ vẫn muốn bảo tồn giáo phái, và đồng thời đưa tay ra để tương giao chút ít với những người khác. Nếu chúng ta hành động như vậy, thì chắc chắn hành động ấy không phải ra từ Đức Chúa Trời. Tôi không biết chúng ta đã thấy rõ vấn đề này chưa. Chúng ta phải thấy vấn đề này cách thấu suốt trước khi đi ra giải quyết tình trạng tại mỗi địa phương. Những người trước đây khép kín đối với những người khác bây giờ mở cửa sổ ra, bắt tay qua hàng rào và nghĩ họ chỉ cần làm bấy nhiêu thì vẫn chưa đủ. Nếu hàng rào ấy cần phải tồn tại, thì tôi sẽ xây dựng nó sao cho vững chắc hơn và cao hơn, nhưng nếu hàng rào ấy không nên

tồn tại, thì tôi sẽ phá đổ nó. Giữ lại các giáo phái khác nhau và có sự tương giao [qua lại] là tự lừa dối mình.

Tại Trung Quốc ngày nay có lẽ có ba loại hiệp nhất. Loại thứ nhất là sự hiệp nhất của Giáo hội Công giáo Rô-ma. Loại thứ hai là “sự hiệp nhất thuộc linh”, có nghĩa là “những cái chén” riêng rẽ vẫn tồn tại bên ngoài, nhưng người ta tự nhủ rằng “những cái chén” ấy không tồn tại trong lòng. Quan điểm ấy có vẻ kỳ lạ đối với tôi! Nếu giáo phái không quan trọng, tại sao người ta lại cho phép giáo phái tồn tại? Nếu giáo phái không quan trọng, tại sao người ta phản ứng khi giáo phái bị chạm đến? Điều này có phần khó hiểu. Nếu giáo phái là quan trọng, chúng ta cần phải ủng hộ giáo phái; nếu giáo phái không quan trọng, chúng ta cần phải phá đổ giáo phái. Nếu tương giao là cần thiết, thì chúng ta hãy tương giao với nhau chứ đừng có cái gọi là sự tương giao “thuộc linh”. Đây là một từ ngữ thật sự tốt, nhưng cách dùng của nó đã bị làm cho hư hoại. Đó thực sự không phải là sự tương giao “thuộc linh”, mà chỉ là sự tương giao “nửa vời”! Nếu vấn đề này được làm sáng tỏ, thì tôi nghĩ nan đề hiệp nhất có thể dễ dàng được giải quyết.

Loại hiệp nhất “thuộc linh” này có một nan đề lớn: Những người ủng hộ sự hiệp nhất thuộc linh lưu ý đến con cái Đức Chúa Trời trong khi bỏ qua mạng lệnh của Ngài. Nói cách khác, họ quan tâm đến cảm nghĩ của

con cái Đức Chúa Trời, mà quên đi cảm nghĩ của chính Đức Chúa Trời. Người ủng hộ giáo phái là người biết rất ít về Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, nếu hỏi ra thì nhiều người không dám ủng hộ giáo phái. Họ cảm thấy giáo phái là tội lỗi. Nhưng vì nghĩ đến nhiều con cái Đức Chúa Trời trong các giáo phái, nên họ không đủ trung tín bày tỏ cách thấu suốt lẽ thật của Đức Chúa Trời cho những người ấy. Họ không cho những người ấy thấy sự chia rẽ giữa vòng con cái Đức Chúa Trời là trái với ý muốn của Đức Chúa Trời như thế nào. Họ sợ làm như vậy sẽ tạo ra sự ngăn cách giữa họ và nhiều con cái Đức Chúa Trời ở trong các giáo phái. Nếu được hỏi là họ có bênh vực và ủng hộ giáo phái hay không thì họ sẽ có phần khó chịu vì họ đã nghiên cứu Lời Chúa và nhận được ít nhiều ánh sáng. Các giáo phái bị định tội trước mặt Đức Chúa Trời và bị Ngài khước từ. Thế nhưng, họ muốn có sự hiệp nhất “thuộc linh”. Loại hiệp nhất “thuộc linh” ấy, hoặc thái độ bắt tay qua hàng rào ấy, không gì khác hơn là phương cách để điều chỉnh, dung hòa và thỏa hiệp. Họ không dám hoàn toàn ủng hộ giáo phái, nhưng họ không nỡ hoàn toàn từ bỏ giáo phái. Do đó, họ để các giáo phái tồn tại và ủng hộ sự hiệp nhất “thuộc linh”, sự tương giao “thuộc linh”. Ý nghĩa của điều họ gọi là sự hiệp nhất “thuộc linh” thật ra là miễn cưỡng, không hết lòng đối với Đức Chúa Trời hay không tuyệt đối tuân theo Lời Ngài. Họ không dám tuyệt đối sống cho

Đức Chúa Trời vì sợ loài người. Sợ không dám sống tuyệt đối cho Đức Chúa Trời là nan đề ngày nay. Thật ra, nhiều người ủng hộ sự tương giao “thuộc linh” và sự hiệp một “thuộc linh” vì họ không thể thực hiện đòi hỏi của Chúa; họ không sống tuyệt đối cho Chúa. Phương cách ấy không phải ra từ sự dạy dỗ của Kinh Thánh, mà ra từ sự khôn ngoan và sợ hãi của loài người.

Tôi tin rằng khi chúng ta không đứng về phía con cái Đức Chúa Trời mà bênh vực cho sự yếu đuối và thất bại của họ, nhưng đứng về phía Chúa để ngắm nhìn vinh quang và sự thánh khiết của Ngài, thì chúng ta sẽ thấy sự hiệp nhất bằng cách điều chỉnh không ra từ ý muốn của Đức Chúa Trời và không phù hợp với Kinh Thánh. Chúng ta phải rất sáng tỏ về điều này. Nếu hiểu rõ điều này, thì chúng ta có thể giải quyết các nan đề.

Watchman Nee, *Bản Thêm Về nếp Sống Hội-Thánh, tiếng Anh, chương 4, trang 82-99*



GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Những sách nhỏ vừa xuất bản:

- *Dành Thời Giờ Ở Với Chúa*
- *Đấng Christ Trở Nên Sự Khôn Ngoan Của Chúng Ta*
- *Đức Chúa Trời Sẵn Lòng*
- *Thờ Phụng Đức Chúa Trời Về Đường Lối Của Ngài*

Sách mới:

Đẩy Mạnh Phương Cách Mới Vì Sự Khôi Phục Của Chúa

Vào ngày lễ Ngũ Tuần, Phi-e-rô đã rao giảng phúc-âm, Linh tuôn đổ ra và gần ba ngàn người được cứu. Những người mới tin này tự phát nhóm họp với nhau trong nhà của họ: “Hằng ngày họ đồng lòng hiệp ý cứ bền đỗ nhóm trong đền thờ luôn; còn ở nhà thì bẻ bánh, dùng bữa cách hân hỷ thành thật, ngợi khen Đức Chúa Trời và được đẹp lòng cả dân chúng” (Công 2:46). Trong những buổi nhóm họp tại gia này, tất cả các tín đồ đều có thể thi hành chức năng, và hội-thánh thuở ban đầu được phát triển và lan tràn (c. 47). Trong tác phẩm *Đẩy Mạnh Phương Cách Mới Vì Sự Khôi Phục Của Chúa*, Witness Lee lên tiếng kêu gọi hội-thánh trở về với khuôn mẫu này trong Kinh Thánh. Qua nhiều khuôn mẫu trong Kinh Thánh, ông làm nổi bật vai trò của các tư gia trong việc trình bày phúc-âm cho những người chưa tin và gây dựng người mới tin. Trở về với phương cách Đức Chúa Trời ấn định trong việc đem phúc-âm đến với người chưa tin và dạy dỗ lẽ thật cho người mới tin trong nhà của họ sẽ mở đường cho việc gây dựng Thân Thể của Đấng Christ.

MUỐN ĐẶT MUA SÁCH, XIN LIÊN LẠC:

Living Stream Ministry

(Vietnamese)

P.O. Box 2121

Anaheim, CA 92814

Tel. (714) 236-6034 *(Tiếng Việt)*

Tel. (714) 991-4681 *(Tiếng Anh)*